

PHẦN 01. ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

I. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo

- (1) Ngành đào tạo: **QUẢN LÝ XÂY DỰNG**
- (2) Mã ngành: 7580302
- (3) Hệ đào tạo: Chính quy
- (4) Trình độ đào tạo: Đại học
- (5) Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 153 tín chỉ
- (6) Thời gian đào tạo: 4,0 năm
- (7) Cấp bằng tốt nghiệp danh hiệu: Kỹ sư
- (8) Năm dự kiến mở: 2025
- (9) Tuyển sinh: Tuyển sinh phạm vi cả nước, thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), hoặc tương đương. Xét tuyển kết quả học tập cấp học THPT: Xét tuyển học bạ cấp học THPT, hoặc tương đương; Xét tuyển kết quả thi THPT năm tuyển sinh; và, Xét tuyển điểm bài thi đánh giá năng lực (dự kiến lấy điểm Kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức – ĐGNL – ĐHQG TP.HCM)
- (10) Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm giai đoạn 2025 – 2030: 50 chỉ tiêu năm 2025; 100 – 200 chỉ tiêu cho các năm sau tùy theo năng lực đào tạo
- (11) Đơn vị quản lý đào tạo: Khoa Kỹ thuật Công trình, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

II. Giới thiệu về cơ sở đào tạo

2.1. Giới thiệu chung về Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

(1) Thông tin chung về trường

- Tên đầy đủ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN.
- Tên tiếng Anh: Saigon Technology University.
- Tên viết tắt: ĐH CNSG, STU.
- Mã tuyển sinh: DSG.
- Năm thành lập: Năm 1997.
- Trụ sở chính:
 - + Địa chỉ: 180 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh.
 - + Điện thoại: (028) 38505520 – 38508262.
 - + Fax: (028) 38506595.
 - + Email: stu@stu.edu.vn.
 - + Website: <http://www.stu.edu.vn>.

(2) Sứ mạng - Tầm nhìn – Triết lý giáo dục

Sứ mạng: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đa hệ theo hướng ứng dụng với các trình độ: cao đẳng, đại học, cao học và nghiên cứu sinh; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng có phẩm chất đạo đức, tư duy độc lập, sáng tạo, chuyên môn cao, nghiệp vụ giỏi, văn hóa, ngoại ngữ tốt, phù hợp nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước và xu thế toàn cầu hóa.

Tầm nhìn: Trong giai đoạn 05 năm từ 2020 – 2025, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn phấn đấu trở thành trường đại học có thương hiệu, có uy tín và có chất lượng cao. Đến năm 2030, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn sẽ trở thành một cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung ứng dịch vụ chất lượng và uy tín trong các cơ sở giáo dục đại học theo định hướng ứng dụng ở Việt Nam.

Triết lý giáo dục: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn với triết lý giáo dục “Chất lượng – Trách nhiệm – Chính trực – Hợp tác – Sáng tạo” hướng đến mục tiêu đào tạo ra những kỹ sư, cử nhân có kiến thức vững chắc, có trách nhiệm với xã hội, đề cao tính chính trực và sẵn sàng hội nhập vào bất cứ môi trường làm việc nào.

(3) Giới thiệu về quá trình hình thành và phát triển của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

Tiền thân của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn (STU) là Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dân lập TP.HCM (SEC). SEC được thành lập theo Quyết định số 798/QĐ-TTg ngày 24/09/1997 của Thủ tướng Chính phủ. SEC là trường cao đẳng ngoài công lập đầu tiên của nước ta chủ yếu đào tạo ngành kỹ thuật, công nghệ.

Tháng 04/2004, SEC được nâng cấp thành Trường Đại học Dân lập Kỹ nghệ TP.HCM (SEU) theo Quyết định số 57/2004/QĐ-TTg ngày 06/04/2004 của Thủ tướng Chính phủ.

Tháng 03/2005, Trường được đổi tên thành Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn theo Quyết định số 52/2005/QĐ-TTg ngày 16/03/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Tháng 07/2007, Trường sử dụng tên Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn. Tên tiếng Anh là Saigon Technology University (STU)

Tháng 04/2024, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn được chuyển đổi loại hình từ dân lập sang tư thục theo Quyết định số 284/QĐ-TTg ngày 06/04/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Trường tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng từ năm 1997; đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp từ năm 2003; đào tạo trình độ đại học từ năm 2004; đào tạo trình độ liên thông đại học từ năm 2005; đào tạo trình độ thạc sĩ từ năm 2016. Nhà trường đã dừng tuyển sinh trung cấp chuyên nghiệp năm 2013; dừng tuyển sinh cao đẳng năm 2019.

Kể từ năm 2019 đến nay, nhà trường tập trung đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ; hướng đến việc mở thêm ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và chuẩn bị cho việc đào tạo tiến sĩ. Dự kiến trong giai đoạn sắp tới, nhà trường sẽ mở thêm các ngành đào tạo trình độ đại học như Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật máy tính, Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, Marketing, Kinh doanh quốc tế, Tài chính - Ngân hàng, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Du lịch, Quản lý xây dựng, và Luật kinh tế.

Bằng tốt nghiệp thạc sĩ, kỹ sư và cử nhân của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn thuộc hệ thống văn bằng quốc gia và có giá trị trong cả nước.

Trong giai đoạn 05 năm gần đây, chỉ tiêu tuyển sinh của trường là 1.800 – 2.400 sinh viên/năm học. Quy mô sinh viên của trường khoảng 7.000 sinh viên/năm học. Tổ chức đào tạo các ngành thuộc các lĩnh vực kỹ thuật công nghệ, kinh tế - quản lý, và thiết kế - mỹ thuật.

(4) Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

Quy mô đào tạo tính đến tháng 05/2025 là 6.905 sinh viên; gồm: Cao học; Đại học; Liên thông đại học; trong đó: số kế hoạch là 5991; số kéo dài là 914.

Hiện nay, STU đang tổ chức đào tạo thạc sĩ, kỹ sư, cử nhân và cao đẳng (số còn lại chưa tốt nghiệp); nghiên cứu khoa học; chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực: Kỹ thuật Công nghệ; Kinh tế - Quản trị; Thiết kế - Mỹ thuật.

Ngành đào tạo	Hệ chính quy				Hệ vừa làm vừa học	
	Cao học	Đại học	Liên thông	Cao đẳng	Đại học	Liên thông
Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử		7510203	7510203	6510304	7510203	7510203
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		7510301	7510301		7510301	7510301
Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông		7510302	7510302		7510302	7510302
Công nghệ thông tin		7480201	7480201	6480201	7480201	7480201
Công nghệ thực phẩm	8540101	7540101	7540101		7540101	7540101
Quản trị kinh doanh		7340101	7340101		7340101	7340101
Kỹ thuật xây dựng		7580201	7580201		7580201	7580201
Thiết kế công nghiệp		7210402	7210402	6210401	7210402	7210402

(6) Hiệu suất đào tạo, số sinh viên đã tốt nghiệp, tỷ lệ sinh tốt nghiệp có việc làm

Tính đến nay, trường đã tuyển sinh, đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp cho: **35.405 người**.

- Hệ chính quy:
 - + Đại học: tuyển sinh 22 khóa; nhập học: 27.036 người; tốt nghiệp: 12.077 người;
 - + Liên thông đại học từ cao đẳng: tuyển sinh 21 khóa; nhập học: 11.338 người; tốt nghiệp: 9.761 người;
 - + Cao đẳng: tuyển sinh 22 khóa; nhập học: 19.179 người; tốt nghiệp: 11.314 người;
 - + Trung cấp: 09 khóa, nhập học: 3.900 người; tốt nghiệp: 1.819 người.
- Hệ ngoài chính quy (vừa làm vừa học):
 - + Đại học: 08 khóa, 391 người tốt nghiệp;
 - + Liên thông đại học: 04 khóa, 43 người tốt nghiệp.
- Hệ liên kết đào tạo quốc tế: 629 người tốt nghiệp chương trình đào tạo (CTĐT) liên kết quốc tế, do Đại học Troy, Hoa kỳ cấp bằng cử nhân đại học.

Về hiệu quả đào tạo, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển đầu vào khoảng 65 – 90% tùy loại hình, trình độ đào tạo và ngành học; số có việc làm sau thời gian tốt nghiệp một năm là trên 90%; trong đó, số có việc làm đúng ngành nghề đào tạo là trên 60%.

(7) Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên

Tính đến nay, toàn trường có 426 cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu; trong đó: 01 giáo sư, 13 phó giáo sư, 51 tiến sĩ, 243 thạc sĩ, 82 kỹ sư/cử nhân, 07 cao đẳng, 05 trung cấp, và 24 lao động phổ thông.

Cán bộ, giảng viên cơ hữu tham gia công tác giảng dạy 309 người; 96,44% giảng viên trình độ sau đại học; về học hàm có 01 giáo sư và 12 phó giáo sư; 51 tiến sĩ, 234 thạc sĩ và 11 kỹ sư/cử nhân đại học.

Ngoài ra, trường có thể mời bổ sung giảng viên thỉnh giảng, cán bộ quản lý và kỹ thuật đến từ các học viện, đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp trong cả nước để sinh viên có cơ hội học tập, làm việc với đội ngũ giảng viên, chuyên gia chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm.

(8) Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

- Tổng diện tích đất của trường: 20.000 m²
- Tổng diện tích sàn xây dựng của trường: 43.542 m²
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 500 chỗ

Với quy mô đào tạo 6.905 sinh viên hiện tại, nhà trường đạt điều kiện gần 4,0 m²/sinh viên.

(9) Về học liệu (sách, tạp chí, kể cả ebook, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện:

Ebook, cơ sở dữ liệu điện tử: Trường mua quyền truy cập cơ sở dữ liệu (CSDL) sau: CSDL IEEE; CSDL Proquest; CSDL Springer; CSDL Wips Global; CSDL Tạp chí chuyên ngành khoa học và công nghệ; CSDL Benito (mua gói 6.000 tài khoản truy cập); CSDL Vitalsource exclusive Package (chọn mua 50 ebook của nhà xuất bản Cengage); Tailieu.vn; Ebook của nhà xuất bản tổng hợp.

Số lượng sách, tạp chí trong thư viện: gần 30.000 đầu sách tập trung nhiều vào các lĩnh vực đang đào tạo: Thiết kế mỹ thuật: 1.885 đầu sách; Kinh tế, Quản lý: 4.863 đầu sách; Công nghệ Kỹ thuật Cơ, điện, viễn thông: 2.910 đầu sách; Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính: 1.557 đầu sách; Công nghệ thực phẩm: 1.433 đầu sách; Kỹ thuật xây dựng: 1.969 đầu sách; Luật, pháp luật: 100 đầu sách; và sách dùng chung cho nhiều lĩnh vực: 7.661 đầu sách.

(10) Hoạt động khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế

Hoạt động khoa học công nghệ là một trong những nhiệm vụ chính của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội của đất nước. Nhà trường đã xây dựng chiến lược, kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ giai đoạn 2020 – 2025 phù hợp với sứ mạng của trường. Trong giai đoạn 2020 – 2024, nhà trường có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học được phê duyệt thực hiện, kết quả được hội đồng nghiệm thu đánh giá cao về tính mới, tính khoa học và khả năng ứng dụng trong thực tiễn. Cán bộ, giảng viên, sinh viên đã thực hiện 01 đề tài nghiên cứu cấp Bộ và 26 đề tài nghiên cứu cấp trường. Kết quả đề tài cấp trường được ứng dụng để cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo. Tạp chí Khoa học và đào tạo của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp Giấy phép hoạt động số 1246/GP-BTTTT ngày 05/08/2011 đã đạt được nhiều kết quả tích cực, xuất bản hai số/năm, thu hút được nhiều nhà khoa học, chuyên gia từ các trường đại học, học viện và công ty tham gia gửi bài công bố kết quả nghiên cứu khoa học mới. Hoạt động khoa học công nghệ của trường đã đóng góp mới cho khoa học qua bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín.

Từ năm 2020 đến nay, giảng viên của trường đã viết và đăng 91 bài báo trên tạp chí khoa học; trong đó 45 bài trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus. Giảng viên cơ hữu đã viết và xuất bản 49 sách, giáo trình, tài liệu chuyên khảo; ngoài ra, còn phối hợp với các trường, đơn vị khác viết các bài báo và đăng tạp chí khoa học, hội thảo, book chapter.

Hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện đúng theo các quy định của nhà nước. Các dự án hợp tác quốc tế hoạt động hiệu quả phục vụ đào tạo, nghiên cứu và phát triển. Trong những năm qua, các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo của trường được tập trung vào một số hình thức: liên kết đào tạo; phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế; trao đổi học thuật; mời giảng viên quốc tế tham gia giảng dạy CTĐT trình độ thạc sĩ, đại học và cao đẳng của trường; chương trình trao đổi sinh viên; cấp học bổng cho sinh viên của trường theo học chương trình quốc tế và đi du học nước ngoài trong chương trình liên kết. Trong giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024, trường đã ký kết biên bản ghi nhớ (MOU) và văn bản thỏa thuận hợp tác với đối tác nước ngoài và trong nước. Năm 2024, trong khuôn khổ chương trình giáo sư tình nguyện, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đã tổ chức thành công nhiều seminar chuyên ngành với sự tham gia của các giáo sư, chuyên gia đến từ các nước Đài Loan, Ý, Đức, ...

(11) Hoạt động đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục

Tháng 04/2017, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn trở thành thành viên liên kết của AUN-QA Network (Asean University Network – Quality Assurance Network).

Hoạt động đảm bảo chất lượng, tự đánh giá, đăng ký kiểm định chất lượng của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là quá trình hoạt động thường xuyên và liên tục.

Đến Tháng 10/2024, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đã đạt chuẩn kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo:

- **Đạt chuẩn kiểm định cơ sở giáo dục hai chu kỳ liên tiếp:** Chu kỳ 1: 2018 – 2023 và Chu kỳ 2: 2023 – 2028 theo tiêu chuẩn kiểm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT)
- **Đạt chuẩn kiểm định 100% CTĐT các ngành hiện đang đào tạo** trình độ đại học theo bộ tiêu chuẩn đánh giá của ASEAN University Network – Quality Assurance (AUN-QA) và bộ tiêu chuẩn kiểm định của Bộ GDĐT.

(12) Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là cơ sở giáo dục được tự chủ trong công tác mở ngành đào tạo trình độ đại học.

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đã chuyển đổi loại hình trường sang tự thực và đáp ứng các điều kiện thực hiện quyền tự chủ của cơ sở giáo dục (CSGD) đại học được quy định tại Khoản 2 Điều 32 của Luật Giáo dục đại học.

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đã thành lập Hội đồng trường. Trường đã xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế Tổ chức và hoạt động; Quy chế Tài chính; Quy chế Giảng dạy; Quy chế Quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ; Quy chế Công tác sinh viên; quy định quản lý nội bộ, quy trình công tác khác. Trường thực hiện phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đến từng đơn vị, cá nhân trong trường.

Trường đã xây dựng chính sách bảo đảm chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn do nhà nước quy định. Trường đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng CSGD đại học chu kỳ 1 (2018 – 2023) và chu kỳ 2 (2023 – 2029).

Trường đã thực hiện công khai điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả kiểm định, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và thông tin khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Giới thiệu về Khoa quản lý ngành đào tạo

(1) Khoa quản lý ngành:

- Tên tiếng Việt: **Khoa Kỹ thuật Công trình**
- Tên tiếng Anh: Faculty of Civil Engineering
- Năm thành lập: Năm 1997

(2) Ban chủ nhiệm khoa, bộ máy và tổ chức của Khoa

- Trường khoa: **TS. Lê Đức Tuấn**, ngành Kỹ thuật Xây dựng
- Phó trưởng khoa: **THS. Ngô Thanh Đức**, ngành Kỹ thuật Xây dựng, Quản lý xây dựng

(3) Quản lý chuyên môn đào tạo: Kỹ thuật Xây dựng

Hiệu suất đào tạo: Từ năm 1997 đến nay, Khoa đã tuyển sinh và đào tạo 28 khóa: 7.648 sinh viên. Số sinh viên tốt nghiệp tính đến tháng 12/2024: 6.097 sinh viên.

Nay, nhà trường giao cho Khoa Kỹ thuật Công trình chịu trách nhiệm chính về chuyên môn đào tạo ngành **Quản lý xây dựng, mã ngành 7580302**. Khoa Kỹ thuật Công trình chủ trì và phối hợp cùng Khoa/Ban khác tổ chức triển khai chương trình.

(4) Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên:

Nhân sự thuộc Khoa Kỹ thuật Công trình có chuyên môn trong Kỹ thuật Xây dựng, Quản lý xây dựng, Thủy lợi ... có thể tham gia giảng dạy: 01 Phó giáo sư – Tiến sĩ; 08 Tiến sĩ; 17 thạc sĩ. Tổng cộng: 26 người. Khoa có 01 thư ký khoa.

STT	Họ tên	Ngày sinh	HH-HV	Ngành, chuyên ngành
1	Nguyễn Tuấn Anh	28/04/1977	THS	Kiến trúc công trình
2	Trương Đình Thảo Anh	13/10/1979	THS	Kỹ thuật xây dựng; Xây dựng DD và CN
3	Nguyễn Phương Bắc	18/09/1976	TS	Kỹ thuật công trình; Xây dựng DD và CN; Quản lý dự án; Quản trị kinh doanh
4	Nguyễn Duy Cường	13/07/1981	THS	Kỹ thuật xây dựng; Xây dựng cầu - hầm
5	Ngô Hồng Đức	20/08/1979	THS	Kỹ thuật xây dựng; Xây dựng công trình thủy
6	Ngô Thanh Đức	01/08/1969	THS	Xây dựng DD và CN; Construction, Engineering, Quản lý dự án
7	Phạm Trường Giang	27/08/1976	THS	Kỹ thuật công trình; Xây dựng DD và CN
8	Châu Minh Hiếu	08/08/1978	THS	Kỹ thuật Xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình DD và CN
9	Thân Trọng Trần Hoan	19/06/1983	TS	Toán ứng dụng; Xây dựng
10	Khương Văn Huân	08/05/1957	TS	Thủy lợi; Cầu kiện và vật liệu xây dựng; Xây dựng công trình thủy
11	Nguyễn Công Huân	08/04/1985	THS	Kỹ thuật công trình; Địa chất công trình
12	Phan Thiệu Huy	06/11/1981	TS	Xây dựng DD và CN; Địa kỹ thuật - Nền móng; Civil Engineering
13	Huỳnh Văn Khanh	10/10/1978	THS	Kỹ thuật xây dựng; Công trình trên đất yếu
14	Trần Công Lai	14/08/1978	THS	Kỹ thuật công trình; Xây dựng DD và CN
15	Phạm Quốc Lâm	26/05/1978	THS	Kỹ thuật công trình; Xây dựng DD và CN
16	Phan Lữ Trí Minh	04/02/1982	THS	Kỹ thuật công trình; Giáo dục học
17	Trần Tấn Quốc	09/07/1953	THS	Xây dựng DD và CN
18	Bùi Thanh Tâm	04/07/1956	TS	Kết cấu công trình; Kỹ thuật kết cấu
19	Bùi Công Thành	10/10/1954	PGS-TS	Xây dựng; Khoa học ứng dụng
20	Nguyễn Tiến Thành	22/12/1956	TS	Kiến trúc
21	Phạm Thị Minh Thoa	10/08/1984	THS	Kiến trúc công trình; Kiến trúc
22	Đặng Văn Thương	18/01/1987	TS	Khoa học ứng dụng và công nghệ (Xây dựng, Thủy lợi)
23	Tạ Thùy Trang	26/03/1985	THS	Vật liệu xây dựng; Civil and Environmental
24	Trần Anh Trung	16/04/1978	THS	Kỹ thuật xây dựng; Thủy lợi - Thủy điện
25	Lê Đức Tuấn	13/10/1978	TS	Kỹ thuật công trình; Xây dựng DD và CN; Kỹ thuật xây dựng
26	Huỳnh Thanh Vũ	11/08/1984	THS	Xây dựng DD và CN; Architecture and Civil

III. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

3.1. Việc mở ngành Quản lý xây dựng phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của ngành, địa phương, vùng, quốc gia.

Việc mở ngành Quản lý xây dựng tại Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực xây dựng, thể hiện rõ ở các cấp độ sau:

Ở cấp ngành, ngành xây dựng hiện nay là một trong những lĩnh vực kinh tế trọng điểm, chiếm tỷ trọng đáng kể trong GDP của Việt Nam. Theo Bộ Xây dựng, tổng lực lượng lao động trong ngành xây dựng tính đến năm 2023 vào khoảng 8 triệu người, với nhu cầu tuyển dụng mới 400.000 – 500.000 lao động mỗi năm để phục vụ cho các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, và phát triển đô thị. Tuy nhiên, nguồn nhân lực có trình độ cao – đặc biệt trong lĩnh vực quản lý xây dựng – vẫn còn thiếu hụt nghiêm trọng. Theo khảo sát của Viện Kinh tế xây dựng (2020), có tới 65% doanh nghiệp xây dựng phản ánh thiếu hụt nhân lực quản lý có trình độ đại học trở lên, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý dự án, quản lý thi công và giám sát công trình. Nguồn: Bộ Xây dựng. (2020). *Báo cáo tổng hợp nhu cầu nhân lực ngành xây dựng giai đoạn 2021 – 2030*. Viện Kinh tế Xây dựng

Ở cấp địa phương (TP. Hồ Chí Minh), TP. Hồ Chí Minh là đô thị lớn nhất cả nước, đang triển khai nhiều chương trình phát triển đô thị thông minh, nhà ở xã hội, cải tạo kênh rạch, hạ tầng giao thông. Theo Sở Xây dựng TP.HCM (Báo cáo 2023), thành phố cần hơn 25.000 nhân lực mỗi năm trong lĩnh vực xây dựng, trong đó khoảng 30% là nhóm nhân lực có trình độ từ đại học trở lên, bao gồm kỹ sư xây dựng, kỹ sư quản lý dự án, và cán bộ kỹ thuật có kiến thức liên ngành (kinh tế – kỹ thuật – pháp luật). Việc đào tạo tại chỗ ngành Quản lý xây dựng tại trường sẽ giúp địa phương chủ động hơn trong cung ứng nhân lực, tiết kiệm chi phí xã hội và tăng tính sẵn sàng cho các dự án trọng điểm. Nguồn: Sở Xây dựng TP. Hồ Chí Minh. (2023). *Báo cáo kế hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành xây dựng đến năm 2030*. UBND TP.HCM

Ở cấp vùng (Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long), theo Quy hoạch phát triển vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050, Chính phủ đặt mục tiêu phát triển mạnh các khu công nghiệp – đô thị – logistics, đồng thời đầu tư trọng điểm vào các dự án hạ tầng như cao tốc TP. Hồ Chí Minh – Mộc Bài, vành đai 3 – 4, cảng Cái Mép – Thị Vải. Cùng với đó, khu vực Đồng bằng sông Cửu Long cũng đang cần nguồn lực để thực hiện các công trình thích ứng biến đổi khí hậu. Tính riêng trong khu vực này, nhu cầu nhân lực ngành xây dựng vào năm 2030 được dự báo đạt khoảng 1,2 – 1,5 triệu người, trong đó Quản lý xây dựng chiếm tỷ trọng lớn ở nhóm kỹ sư trung – cao cấp (theo Báo cáo thị trường lao động quốc gia, Bộ LĐTBXH, 2023).

Ở cấp quốc gia, theo Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030, mục tiêu đến năm 2025 là 70% lao động qua đào tạo, trong đó 30% có bằng cấp, chứng chỉ; riêng với lĩnh vực xây dựng và hạ tầng, cần ưu tiên đào tạo nhóm nhân lực kỹ thuật trình độ cao để phục vụ cho các chương trình đầu tư công trung hạn, phát triển đô thị thông minh và chuyển đổi xanh. Ngành Quản lý xây dựng được Bộ GDĐT phân loại là ngành kỹ thuật – công nghệ liên ngành, gắn với nhu cầu cấp thiết của quốc gia về phát triển hạ tầng, thích ứng biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế.

Với bối cảnh cấp thiết về nhu cầu nhân lực quản lý xây dựng trên cả bốn cấp độ ngành – địa phương – vùng – quốc gia, cùng với vị trí chiến lược tại TP. Hồ Chí Minh và kinh nghiệm đào tạo kỹ thuật của nhà trường, việc mở ngành Quản lý xây dựng tại Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là hoàn toàn phù hợp, có cơ sở thực tiễn vững chắc và đáp ứng đúng định hướng chiến lược phát triển giáo dục đại học theo hướng ứng dụng.

3.2. Việc mở ngành Quản lý xây dựng phù hợp với chiến lược phát triển nhà trường.

Việc mở ngành Quản lý xây dựng tại Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là một bước đi chiến lược, phù hợp với định hướng phát triển tổng thể của nhà trường. Trường xác định rõ định hướng trở thành trường đại học ứng dụng, gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp và nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội của địa phương và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Ngành Quản lý xây dựng là ngành đào tạo liên ngành, tích hợp kiến thức kỹ thuật xây dựng, kinh tế và quản lý dự án, phù hợp với mục tiêu mở rộng nhóm ngành kỹ thuật – công nghệ của Trường, đồng thời bổ sung hợp lý cho các ngành hiện có như Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Công

nghe kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật điện – điện tử. Việc đào tạo ngành này cũng góp phần cụ thể hóa mục tiêu chiến lược của trường trong việc nâng cao tỷ lệ chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng, tăng cường thực hành và hợp tác doanh nghiệp, hướng đến kiểm định chất lượng chương trình và chuẩn hóa theo tiêu chuẩn quốc tế.

Bên cạnh đó, ngành Quản lý xây dựng được xác định là một trong các ngành có tiềm năng thu hút người học trong dài hạn, phù hợp với xu hướng đô thị hóa, phát triển hạ tầng, chuyển đổi số và quản lý thông minh trong lĩnh vực xây dựng. Việc triển khai đào tạo ngành này không chỉ giúp đa dạng hóa ngành nghề đào tạo, tăng cường khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững của Trường, mà còn đóng vai trò là nền tảng để phát triển ngành/chuyên ngành sau đại học trong tương lai gần.

3.3. Việc mở ngành Quản lý xây dựng phù hợp với năng lực của nhà trường.

Việc mở ngành Quản lý xây dựng tại Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là hoàn toàn phù hợp với năng lực hiện có của nhà trường trên nhiều phương diện, bao gồm đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất – trang thiết bị, kinh nghiệm tổ chức đào tạo các ngành gần, và định hướng chiến lược phát triển đào tạo theo hướng ứng dụng – thực hành.

Về đội ngũ giảng viên, Khoa Kỹ thuật Công trình hiện có 26 giảng viên cơ hữu thuộc lĩnh vực xây dựng, trong đó có 01 Phó giáo sư, 08 tiến sĩ và 17 thạc sĩ, đáp ứng đầy đủ điều kiện giảng dạy và nghiên cứu theo quy định. Nhiều giảng viên có chuyên môn sâu về kỹ thuật xây dựng, quản lý dự án, nền móng, kết cấu, vật liệu xây dựng và khoa học ứng dụng trong xây dựng. Đội ngũ này không chỉ đảm nhiệm tốt khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành mà còn có khả năng phát triển các học phần tích hợp lý thuyết – thực hành, kỹ năng quản lý công trình và kinh tế xây dựng.

Về cơ sở vật chất và trang thiết bị, nhà trường đã và đang đầu tư nâng cấp hệ thống phòng học, phòng máy tính, phòng thí nghiệm chuyên ngành như: thí nghiệm vật liệu xây dựng, cơ học đất, nền móng, đo đạc – trắc địa, kết cấu thép và bê tông cốt thép. Ngoài ra, các phòng chức năng hỗ trợ học tập như thư viện điện tử, hệ thống quản lý học liệu số (LMS), phần mềm vẽ kỹ thuật, quản lý dự án (AutoCAD, Revit, MS Project...) cũng đã sẵn sàng cho tổ chức đào tạo ngành mới.

Về kinh nghiệm tổ chức đào tạo, Trường hiện đang đào tạo các ngành gần như Kỹ thuật xây dựng, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật điện – điện tử, ... tạo điều kiện thuận lợi trong việc chia sẻ đội ngũ, sử dụng chung học phần, phòng thí nghiệm, cũng như tổ chức liên môn. Kinh nghiệm tích lũy từ các chương trình này cho phép Trường nhanh chóng ổn định tổ chức đào tạo ngành Quản lý xây dựng, đồng thời đảm bảo tính liên thông, liên ngành trong chương trình đào tạo.

Về tổ chức học thuật và bảo đảm chất lượng, Trường có Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các hội đồng chuyên môn của khoa, bộ môn có chức năng thẩm định và phản biện chương trình đào tạo mới. Đồng thời, hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ (IQA) đã được thiết lập theo tiêu chuẩn chất lượng, đảm bảo quá trình xây dựng, triển khai và cải tiến chương trình được thực hiện nghiêm túc, minh bạch.

Cuối cùng, về định hướng phát triển, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đã xác định chiến lược trở thành trường đại học ứng dụng, tăng cường đào tạo các ngành kỹ thuật – công nghệ, trong đó ưu tiên các ngành có tính thực tiễn cao, phục vụ phát triển đô thị, công nghiệp hóa và hiện đại hóa quốc gia. Ngành Quản lý xây dựng, với tính liên ngành và khả năng gắn kết thực tiễn, là lựa chọn phù hợp để hiện thực hóa mục tiêu này.

3.4. Lý do mở ngành đào tạo

(1) **Đánh giá về mức độ cần thiết, nhu cầu việc làm và yêu cầu về năng lực làm việc của Kỹ sư ngành Quản lý xây dựng qua việc khảo sát ý kiến các bên liên quan.**

Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan bao gồm doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động, giảng viên, sinh viên và cựu sinh viên cho thấy mức độ cần thiết cao trong việc đào tạo kỹ sư ngành Quản lý xây dựng, đặc biệt tại khu vực TP. Hồ Chí Minh và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Về mức độ cần thiết của ngành đào tạo: Trong tổng số hơn 20 doanh nghiệp được khảo sát trong lĩnh vực xây dựng, tư vấn thiết kế, giám sát, quản lý dự án, có đến 87% đánh giá việc mở ngành Quản lý xây dựng là “rất cần thiết” hoặc “cần thiết” trong bối cảnh thị trường đang thiếu hụt đội ngũ kỹ sư có khả năng quản lý tổng hợp dự án, phối hợp giữa kỹ thuật, pháp lý và tài chính. Các doanh nghiệp cũng bày tỏ nhu cầu tuyển dụng kỹ sư có khả năng ứng dụng phần mềm chuyên môn (MS Project, AutoCAD, BIM, Primavera...) và năng lực điều phối nhân sự, vật tư, thời gian công trình.

Về nhu cầu việc làm: Kết quả khảo sát cho thấy hơn 90% doanh nghiệp xây dựng được khảo sát tại TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận dự kiến tuyển dụng kỹ sư quản lý xây dựng trong 5 năm tới, đặc biệt cho các vị trí như kỹ sư điều phối dự án, quản lý hiện trường, kỹ sư khối lượng – tiến độ, kỹ sư hồ sơ – pháp lý xây dựng, v.v. Các cựu sinh viên tốt nghiệp ngành gần như Kỹ thuật xây dựng, Công nghệ kỹ thuật xây dựng... cũng cho biết họ đã và đang đảm nhiệm các công việc đúng với định hướng ngành Quản lý xây dựng, nhưng thiếu nền tảng chuyên sâu về nghiệp vụ quản lý.

Về yêu cầu về năng lực làm việc: Các doanh nghiệp nhấn mạnh nhu cầu về kỹ sư có khả năng làm việc nhóm, giao tiếp chuyên môn, sử dụng công nghệ số trong quản lý công trình, hiểu biết pháp luật và hợp đồng xây dựng, kỹ năng lập kế hoạch – kiểm soát tiến độ – kiểm soát chi phí. Đồng thời, doanh nghiệp mong muốn cơ sở đào tạo chú trọng phát triển năng lực thực hành, tổ chức thực tập doanh nghiệp kéo dài, và cập nhật các chuẩn kỹ năng nghề nghiệp quốc tế (như PMI, AACEI...).

Từ các kết quả khảo sát nêu trên, có thể khẳng định rằng việc mở ngành Quản lý xây dựng không chỉ đáp ứng nhu cầu thị trường lao động thực tế, mà còn phù hợp với xu thế phát triển đội ngũ kỹ sư xây dựng đa năng, có năng lực quản lý, thích ứng với chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

(2) Sự cần thiết đào tạo ngành Quản lý xây dựng tại khu vực TP. Hồ Chí Minh, Vùng Đông Nam bộ, và Đồng bằng Sông Cửu Long (Sự cần thiết đào tạo ngành Quản lý xây dựng trong bối cảnh sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh)

Việc sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh theo Nghị quyết năm 2025 của Quốc hội, làm giảm số lượng tỉnh thành trên cả nước từ 63 xuống 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh, trong đó TP. Hồ Chí Minh được sáp nhập với Bình Dương và Bà Rịa – Vũng Tàu, tạo thành một trung tâm kinh tế – đô thị có quy mô lớn nhất cả nước với diện tích 6.772,59 km² và dân số 14.002.598 người. Trong khi đó, các tỉnh như Tây Ninh (gộp Tây Ninh và Long An), Đồng Nai (gộp Đồng Nai và Bình Phước), TP. Cần Thơ (gộp với Sóc Trăng và Hậu Giang), và An Giang (gộp với Kiên Giang) cũng đều trở thành các đơn vị hành chính có quy mô dân cư và diện tích lớn hơn nhiều lần hiện tại.

Sự thay đổi quy mô này kéo theo một loạt các yêu cầu mới về quy hoạch, phát triển hạ tầng, đầu tư công, quản lý đô thị và vùng. Từ đó, nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực kỹ sư Quản lý xây dựng có trình độ cao trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết nhằm đáp ứng:

- Nhiệm vụ điều phối và kiểm soát đầu tư xây dựng tại địa bàn rộng lớn, liên tỉnh, liên vùng.
- Quản lý hiệu quả các dự án giao thông, công trình công cộng, nhà ở, khu đô thị mới theo quy mô mở rộng.
- Hòa giải giữa phát triển kỹ thuật xây dựng với quản trị dự án, tài chính và pháp luật, trong bối cảnh mỗi tỉnh mới là sự hợp nhất đa dạng về địa lý, địa hình và kinh tế – xã hội.

Tại TP. Hồ Chí Minh mở rộng, sau khi sáp nhập với Bình Dương và Bà Rịa – Vũng Tàu – những địa phương có mật độ dự án xây dựng lớn, khu công nghiệp dày đặc và tốc độ đô thị hóa nhanh – nhu cầu về kỹ sư quản lý xây dựng có kiến thức chuyên sâu, khả năng ứng dụng công nghệ (BIM, quản lý tiến độ, dự toán...) và kỹ năng làm việc liên ngành là rất lớn. Việc đào tạo ngành

Quản lý xây dựng ngay tại trung tâm này có ý nghĩa chiến lược, tạo điều kiện thuận lợi để cung ứng nhân lực tại chỗ, rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo và nhu cầu thực tiễn.

Bên cạnh đó, các tỉnh mới tại vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long như Tây Ninh (Tây Ninh + Long An), Đồng Tháp (Đồng Tháp + Tiền Giang), hay Vĩnh Long (Vĩnh Long + Bến Tre + Trà Vinh) đều có kế hoạch đầu tư nâng cấp kết cấu hạ tầng và đô thị trung tâm sau sáp nhập. Các địa phương này không có nhiều cơ sở đào tạo ngành kỹ thuật có định hướng quản lý, vì vậy Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn có vai trò thiết yếu trong việc hỗ trợ cung ứng nhân lực cho toàn vùng thông qua ngành đào tạo mới.

Kết luận: Trong bối cảnh sáp nhập tỉnh, quy mô quản lý đô thị – vùng được mở rộng, số lượng và quy mô dự án xây dựng ngày càng lớn, nhu cầu đào tạo kỹ sư ngành Quản lý xây dựng trở nên rất cấp thiết, không chỉ để phục vụ phát triển hạ tầng của các địa phương mới, mà còn nhằm đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa và thích ứng với chuyển đổi số trong ngành xây dựng. Việc Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn triển khai đào tạo ngành này là kịp thời, chiến lược và phù hợp với yêu cầu phát triển nguồn nhân lực quốc gia trong giai đoạn mới.

(3) Định hướng phát triển của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn và Khoa Kỹ thuật Công trình đối với việc đào tạo ngành Quản lý xây dựng

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn (STU) định hướng phát triển thành trường đại học ứng dụng, gắn kết chặt chẽ với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội của TP. Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ. Theo kế hoạch phát triển, Trường ưu tiên mở rộng các ngành kỹ thuật – công nghệ có tính liên ngành, phục vụ trực tiếp cho các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, đô thị và dịch vụ kỹ thuật. Trong đó, ngành Quản lý xây dựng được xác định là một trong những ngành mũi nhọn cần phát triển, góp phần nâng cao năng lực đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho lĩnh vực đầu tư, xây dựng và quản lý hạ tầng đô thị hiện đại.

Khoa Kỹ thuật Công trình – đơn vị chuyên môn trực tiếp quản lý ngành học – hiện đang đảm nhiệm đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng, với đội ngũ giảng viên trình độ cao, hệ thống phòng thí nghiệm chuyên ngành đầy đủ và quan hệ chặt chẽ với doanh nghiệp xây dựng. Trên cơ sở đó, Khoa định hướng phát triển ngành Quản lý xây dựng theo hướng ứng dụng – thực hành, kết hợp giữa kiến thức kỹ thuật xây dựng với kỹ năng quản trị dự án, pháp luật xây dựng, công nghệ thông tin và kinh tế công trình. Khoa cũng chủ động cập nhật xu hướng mới trong quản lý xây dựng như mô hình thông tin công trình (BIM), quản lý rủi ro, quản lý chi phí và tiến độ theo tiêu chuẩn quốc tế để đưa vào chương trình đào tạo.

(4) Cam kết chất lượng đào tạo ngành Quản lý xây dựng

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn cam kết tổ chức đào tạo ngành Quản lý xây dựng đảm bảo chất lượng theo các tiêu chuẩn hiện hành của Bộ GDĐT và hướng tới kiểm định chất lượng chương trình theo chuẩn khu vực (AUN-QA), hay tiêu chuẩn của Bộ GDĐT trong giai đoạn 2025 – 2029, 2029 - 2033. Nhà trường bảo đảm điều kiện về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, chương trình đào tạo và hoạt động hỗ trợ học tập đáp ứng đầy đủ yêu cầu tổ chức đào tạo trình độ đại học ngành này.

Chương trình đào tạo được xây dựng theo chuẩn đầu ra năng lực bậc 6 (theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam), với tỷ lệ học phần thực hành – thực tập chiếm tối thiểu 30%, gắn với các phòng thí nghiệm, phần mềm chuyên ngành và mô hình liên kết doanh nghiệp. Trường cũng cam kết thực hiện các hoạt động kiểm tra – đánh giá – cải tiến chất lượng định kỳ, tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan, và cập nhật chương trình theo định kỳ 2 năm/lần để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong và ngoài nước.

Ngoài ra, trường đã xây dựng lộ trình phát triển đội ngũ, tăng cường hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo – thực tập – tuyển dụng, hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp và nâng cao năng lực số cho

người học nhằm đảm bảo sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý xây dựng có thể thích nghi với môi trường làm việc hiện đại, năng động và liên ngành.

IV. Chương trình đào tạo

4.1. Căn cứ xây dựng chương trình, các văn bản liên quan đến quá trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo và quyết định mở ngành.

CTĐT trình độ đại học ngành Quản lý xây dựng được xây dựng trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành, văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT và của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn, bao gồm:

- Luật Giáo dục năm 2019 và Luật Giáo dục đại học năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2018);
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 và Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành và đình chỉ hoạt động ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GDĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;
- Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ GDĐT quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo trình độ đại học;
- Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ;
- Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014; Yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT;
- Khung năng lực số cho người học theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 25/03/2025; Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ GDĐT;
- Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 28/03/2025 của Bộ GDĐT.
- Quyết định số: 495-24/QĐ-DSG-ĐT ngày 25/09/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về điều kiện, xây dựng hồ sơ, quy trình công tác mở ngành đào tạo trình độ giáo dục đại học (đại học, thạc sĩ và tiến sĩ) tại Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;

Các văn bản liên quan đến quá trình xây dựng CTĐT và mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý xây dựng của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn, bao gồm:

- Nghị Quyết số 158/NQ-DSG-HĐT ngày 13/11/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc ban hành Phương hướng và nhiệm vụ năm học 2024 – 2025;
- Tờ trình số 538-24/CV-DSG-ĐT ngày 13/12/2024 của Khoa Kỹ thuật Công trình về việc đề xuất mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý xây dựng (7580302);
- Biên bản số 010-24/BB-DSG-HĐKHĐT ngày 16/12/2024 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc thông qua chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý xây dựng (7580302);
- Nghị quyết số 13/NQ-DSG-HĐT ngày 06/01/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc thông qua chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý xây dựng (7580302);

- Quyết định số 015-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 07/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc phân công Khoa/Ban chuyên môn chủ trì công tác mở ngành và quản lý ngành đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý xây dựng (7580302);
- Quyết định số 022-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 10/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc thành lập Ban xây dựng Đề án mở ngành trình độ đại học ngành Quản lý xây dựng (7580302);
- Quyết định số 026-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 11/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc thành lập Hội đồng Xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý xây dựng (7580302).
- Quyết định số 266-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 29/04/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc thành lập Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý xây dựng (7580302);
- Biên bản họp ngày 09/05/2025 của Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo về việc thẩm định và thông qua Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý xây dựng (7580302). Kết quả thẩm định: Đạt;
- Biên bản số 158-25/BB-DSG-HĐKHĐT ngày 03/06/2025 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn thẩm định và thông qua Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý xây dựng (7580302). Kết quả thẩm định: Đạt;
- Quyết định số 307-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 03/06/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý xây dựng (7580302);
- Quyết định số 317-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 04/06/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc phê duyệt Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý xây dựng (7580302);
- Quyết định số 343-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 12/06/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc Mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý xây dựng (7580302) từ khóa tuyển sinh năm 2025.

4.2. Tham khảo chương trình đào tạo các trường đại học trong và ngoài nước:

Để xây dựng chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng phù hợp với chuẩn đầu ra, thực tiễn nghề nghiệp và xu hướng hội nhập, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đã tham khảo chương trình đào tạo của một số cơ sở đào tạo uy tín trong cùng lĩnh vực như:

- Trường Đại học Bách khoa – Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
 - + Chương trình đào tạo có tính nghiên cứu cao, chú trọng kỹ thuật và tính toán kết cấu, có các học phần quản lý dự án và kỹ thuật thi công.
 - + Sinh viên được đào tạo nền tảng vững chắc về kỹ thuật xây dựng, sau đó học chuyên sâu về lập tiến độ, quản lý chi phí, hợp đồng và mô phỏng thi công.
- Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh
 - + Chương trình tập trung vào công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật, tuy nhiên có các học phần quản lý tiến độ, quản lý chất lượng và lập dự toán phù hợp với quản lý xây dựng.
- Trường Đại học Xây dựng Hà Nội
 - + Là trường đầu ngành trong lĩnh vực xây dựng, chương trình đào tạo quản lý xây dựng có tính hệ thống và toàn diện.
 - + Chương trình chia thành các nhóm kiến thức: kỹ thuật xây dựng, kinh tế – tài chính xây dựng, quản lý dự án, pháp luật và kỹ năng quản trị.

Đối sánh chương trình của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

Chương trình đào tạo kỹ sư Quản lý xây dựng của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn kế thừa và chọn lọc các điểm mạnh từ các trường nêu trên, đồng thời đảm bảo các yếu tố sau:

- Hướng ứng dụng: Chương trình được xây dựng theo định hướng ứng dụng, tập trung phát triển kỹ năng thực hành, sử dụng phần mềm chuyên ngành (AutoCAD, Revit, MS Project, BIM...), kỹ năng quản lý tiến độ, chi phí và chất lượng.
- Liên ngành: Kết hợp kiến thức kỹ thuật – kinh tế – pháp luật – quản trị, tạo năng lực tổng hợp, thích hợp với đặc thù công trình đa dạng tại khu vực TP. Hồ Chí Minh và miền Nam.
- Cập nhật xu hướng mới: Đưa vào các học phần như Quản lý hệ thống MEP, Quản lý rủi ro và tài chính, Tin học ứng dụng trong Quản lý xây dựng, nhằm tiệm cận nhu cầu thực tế doanh nghiệp.
- Khối lượng thực hành cao: Theo bảng phân bố, tỷ lệ thực hành chiếm khoảng 54,73%, đảm bảo sinh viên thành thạo kỹ năng chuyên môn sau khi tốt nghiệp.
- Chia nhóm vị trí việc làm rõ ràng: Định hướng công việc sau tốt nghiệp thành 04 nhóm cụ thể, gắn với thực tiễn doanh nghiệp.

4.3. Khung chương trình đào tạo

(1) Chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng (7580302) được ban hành kèm theo Quyết định số 307-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 03/06/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

(2) Chương trình gồm 153 tín chỉ; chia làm các khối kiến thức:

- Kiến thức giáo dục chuyên biệt: Môn học cấp chứng chỉ, hay cấp chứng nhận; không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo.
 - + Giáo dục thể chất;
 - + Giáo dục Quốc phòng - An ninh.
- Kiến thức giáo dục đại cương:
 - + Kiến thức khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin;
 - + Kiến thức chính trị, khoa học xã hội.
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:
 - + Kiến thức cơ sở ngành (của khối ngành, nhóm ngành, và ngành);
 - + Kiến thức ngành;
 - + Kiến thức chuyên ngành;
- Thực tập tốt nghiệp, đồ án/khóa luận/bài thi tốt nghiệp.

(3) Nhóm môn học trong chương trình

Nhóm môn tự chọn (danh sách môn học tự chọn đã liệt kê các môn học mà sinh viên có thể chọn lựa): Môn học tự chọn có thể thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương; hoặc giáo dục chuyên nghiệp. Trong chương trình, sinh viên lựa chọn các môn học tự chọn, chiếm khoảng 10 – 15 % tín chỉ trong danh sách môn học đề xuất.

Nhóm các môn học trong chương trình:

- Môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (chứng chỉ, chứng nhận).
- Các môn học lý thuyết; môn học lý thuyết có bài tập, thực hành;
- Các môn học thực hành, thực tập tại phòng thực hành và chuyên đề;
- Các môn học có đi kiến tập, thực tập và làm đồ án, bài tập lớn;

- Thực tập tại cơ sở ngoài trường và Thực tập tốt nghiệp;
- Các môn học bắt buộc và nhóm môn học tự chọn.

(4) **Phân bố khối kiến thức trong chương trình.**

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết trong khối kiến thức, % lý thuyết - thực hành						
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		Tự học
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Môn học cấp chứng chỉ, chứng nhận	0		300		90		210		375
Kiến thức Giáo dục chuyên biệt	0		300		90		210		375
– [0] Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0		165		90		75		240
– [0] Giáo dục Thể chất	0		135		0		135		135
Môn học trong chương trình đào tạo	153		3045		1380	45.32	1665	54.68	4110
Kiến thức Giáo dục đại cương	37	24.18	645	21.18	420	65.12	225	34.88	1020
– [1] Khoa học tự nhiên	13	08.50	225	07.39	135	60.00	90	40.00	360
– [2] Khoa học xã hội	24	15.69	420	13.79	285	67.86	135	32.14	660
Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	106	69.28	1950	64.04	960	49.23	990	50.77	2940
– [3] Cơ sở ngành	37	24.18	660	21.67	330	50.00	330	50.00	1020
– [4] Chuyên ngành	69	45.10	1290	42.36	630	48.84	660	51.16	1920
Bài thi tốt nghiệp	10	06.54	450	14.78	0	00.00	450	100.00	150
– [5.1] Thực tập tốt nghiệp	4	02.61	180	05.91	0	00.00	180	100.00	60
– [5.2] Đồ án, khóa luận	6	03.92	270	08.87	0	00.00	270	100.00	90

4.4. **Kế hoạch giảng dạy dự kiến**

(1) **Kế hoạch giảng dạy chi tiết**

Chương trình đào tạo được thiết kế theo trình tự logic giữa các khối kiến thức, bảo đảm tính hệ thống và tính liên thông giữa các học phần. Cấu trúc này tạo điều kiện thuận lợi để người học lựa chọn lộ trình học tập phù hợp với năng lực, định hướng nghề nghiệp và mục tiêu phát triển cá nhân. Tùy theo năng lực, sinh viên có thể linh hoạt rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo theo tiến độ học tập thực tế (xem chi tiết tại Phụ lục 1 – Kế hoạch giảng dạy chi tiết, Bản mô tả chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý xây dựng (7580302) ban hành kèm theo Quyết định số 307-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 03/06/2025 của Hiệu trưởng).

(2) **Nội dung chương trình**

Số	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
			Kiến thức chuyên biệt		170	3630	1650	1980	4965
			Kiến thức giáo dục chuyên biệt		0	300	90	210	375
1	HK4	MI03002	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0[6.3.16]	0	165	90	75	240
2	HK2	GS93005	Giáo dục thể chất 1	0[0.2.3]	0	45	0	45	45
3	HK3	GS93006	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn)	0[0.2.3]	0	45	0	45	45
4	HK4	GS93007	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn)	0[0.2.3]	0	45	0	45	45
			Kiến thức chung toàn khóa		151	3015	1365	1650	4050
			Kiến thức giáo dục đại cương		37	645	420	225	1020
1	HK2	CI09048	Xác suất thống kê trong xây dựng	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
2	HK1	CI09031	Đại số tuyến tính và giải tích	4[3.1.8]	4	60	45	15	120
3	HK3	CI09033	Tin học ứng dụng trong xây dựng	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
4	HK1	GS59003	Tin học căn bản và thực hành	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
5	HK1	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	3[2.1.6]	3	45	30	15	90

Số	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
6	HK1	GS79005	Triết học Mác – Lênin	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
7	HK2	GS79006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
8	HK3	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
9	HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
10	HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
11	HK2	GS09010	Môn học tự chọn 1 _QLXD	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
12	HK1	GS19007	Tiếng Anh 1	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
13	HK2	GS19008	Tiếng Anh 2	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
14	HK3	GS19009	Tiếng Anh 3	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
15	HK4	GS19010	Tiếng Anh 4	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
			Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		116	2400	960	1440	3090
			Nhóm môn cơ sở		37	660	330	330	1020
1	HK3	CI09032	Tiếng Anh trong Quản lý xây dựng	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
2	HK1	BA09056	Quản trị học	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
3	HK3	BA09057	Nguyên lý kế toán	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
4	HK4	BA09058	Kinh tế kỹ thuật	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
5	HK1	CI03006	Kiến trúc	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
6	HK2	CI03040	Quy hoạch đô thị	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
7	HK2	CI09024	Sức bền vật liệu 1	4[3.1.8]	4	60	45	15	120
8	HK2	CI09003	Thí nghiệm sức bền vật liệu	1[0.1.1]	1	30	0	30	15
9	HK3	CI09006	Vật liệu xây dựng	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
10	HK3	CI09008	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	1[0.1.1]	1	30	0	30	15
11	HK3	CI09004	Cơ học kết cấu 1	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
12	HK4	CI09010	Cơ học đất	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
13	HK4	CI09012	Thí nghiệm Cơ học đất	1[0.1.1]	1	30	0	30	15
14	HK4	CI03033	Thực tập trắc địa	2[0.2.2]	2	60	0	60	30
15	HK4	CI09009	Bê tông cốt thép 1	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
16	HK4	CI09014	Đồ án Bê tông cốt thép 1	1[0.1.1]	1	45	0	45	15
			Nhóm môn chuyên ngành		69	1290	630	660	1920
1	HK5	CI03002	Bê tông cốt thép 2	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
2	HK4	CI09034	Tin học ứng dụng trong quản lý xây dựng	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
3	HK5	CI03005	Kết cấu thép	4[3.1.8]	4	60	45	15	120
4	HK5	CI03011	Quản lý xây dựng	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
5	HK5	CI09030	Nền móng	4[3.1.8]	4	60	45	15	120
6	HK5	CI03004	Đồ án nền móng	1[0.1.1]	1	45	0	45	15
7	HK5	CI03007	Kỹ thuật Thi công	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
8	HK6	CI09021	Đồ án Kỹ thuật thi công	1[0.1.1]	1	45	0	45	15
9	HK6	CI03038	Tổ chức, quản lý tiến độ và thi công	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
10	HK7	CI03013	Đồ án Tổ chức, quản lý tiến độ và thi công	1[0.1.1]	1	45	0	45	15
11	HK5	CI09037	Quản lý nhân sự trong xây dựng	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
12	HK6	CI09041	Quản lý hệ thống MEP	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
13	HK6	CI09036	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
14	HK7	CI09045	Đồ án Lập và thẩm định dự án đầu tư	1[0.1.1]	1	45	0	45	15
15	HK6	CI09019	Kỹ thuật an toàn và môi trường	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
16	HK7	CI03044	Quản lý chất lượng công trình và giám sát xây dựng	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
17	HK7	CI03046	Quản lý doanh nghiệp xây dựng	2[2.0.4]	2	30	30	0	60

Số	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
18	HK6	CI09035	Quản lý đầu thầu và hợp đồng trong xây dựng	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
19	HK7	CI09040	Quản lý khối Lượng, chi phí và dự toán công trình	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
20	HK6	CI09039	Kiến Tập	2[0.2.2]	2	90	0	90	30
21	HK6	CI09038	Môn học tự chọn 2_QLXD	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
22	HK7	CI09042	Môn học tự chọn 3_QLXD	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
23	HK7	CI09043	Quản lý tài chính và rủi ro trong xây dựng	4[3.1.8]	4	60	45	15	120
24	HK7	CI09044	Đồ án Quản lý đầu thầu và hợp đồng trong xây dựng	1[0.1.1]	1	45	0	45	15
25	HK7	CI03029	Khởi nghiệp	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
26	HK8	CI09046	Quản lý hệ thống thông tin trong xây dựng	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
27	HK8	CI09047	Quản lý thanh toán và quyết toán trong xây dựng	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
			Nhóm môn bài thi tốt nghiệp		10	450	0	450	150
1	HK8	CI03154	Thực tập tốt nghiệp	4[0.4.4]	4	180	0	180	60
2	HK8	CI03155	Đồ án tốt nghiệp	6[0.6.6]	6	270	0	270	90
			Danh sách môn tự chọn						
1	HK2	GS09012	Kỹ năng giao tiếp	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
2	HK2	GS09013	Phương pháp luận sáng tạo	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
3	HK6	CI03023	TC2_Xử lý nền đất yếu	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
4	HK6	CI09020	TC2_Thiết kế công trình dân dụng	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
5	HK7	CI03026	TC3_Tin học ứng dụng trong thiết kế xây dựng	3[2.1.5]	3	60	30	30	75
6	HK7	CI03028	TC3_Thiết kế biện pháp thi công công trình	3[2.1.6]	3	45	30	15	90

Ghi chú:

Sinh viên lựa chọn các môn học trong danh sách môn học tự chọn.

Nhóm môn học tự chọn bao gồm các môn học có tính liên kết theo cấp độ hoặc nội dung. Khi sinh viên đã chọn một môn học ở cấp độ cơ bản (hoặc phần 1) trong một nhóm nhất định, thì bắt buộc phải tiếp tục chọn môn học tiếp theo ở cấp độ cao hơn (hoặc phần 2) trong cùng nhóm. Nguyên tắc này áp dụng cho tất cả các nhóm môn học có tính kế thừa hoặc bắt buộc đi kèm.

Ví dụ: Nếu đã chọn Tiếng Hoa 1 là ngoại ngữ tự chọn 1, thì phải chọn Tiếng Hoa 2 là ngoại ngữ tự chọn 2; không được chuyển sang Tiếng Pháp 2 nếu chưa học Tiếng Pháp 1.

Nếu đã học Ngôn ngữ lập trình, thì phải chọn tiếp Thực hành Ngôn ngữ lập trình.

HK_TC: Danh sách môn học tự chọn cụ thể sẽ được thông báo trước khi đăng ký môn học.

Viết tắt trong bảng:

(1) Cột Học kỳ: HK – Học kỳ; HK_TC – Học kỳ tự chọn;

(2) Cột Tên môn học: TN – Thí nghiệm; TH- Thực hành;

(3) Cột Nhóm môn: QP – Quốc phòng; TC – Thể chất; TN – Tự nhiên; XH – Xã hội; CS – Cơ sở; CN – Chuyên ngành.

V. Điều kiện về đội ngũ cán bộ giảng dạy

5.1. Yêu cầu chung về trình độ, độ tuổi và chuyên môn của đội ngũ cán bộ giảng dạy

Chương trình đào tạo được chủ trì xây dựng bởi giảng viên có học vị tiến sĩ đang trong độ tuổi lao động, đảm bảo đủ năng lực chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn theo quy định của Bộ GDĐT.

Bên cạnh đó, giảng viên tham gia xây dựng và chủ trì giảng dạy khối kiến thức của chương trình còn có thể bao gồm giảng viên có học vị tiến sĩ đã nghỉ hưu, nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT (sửa đổi Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT), cụ thể: “Giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo và giảng viên chủ trì giảng dạy chương trình đào tạo phải là giảng viên cơ hữu không quá tuổi nghỉ hưu tối đa theo quy định của Chính phủ về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với viên chức trong đơn vị sự

nghiệp công lập; hằng năm trực tiếp giảng dạy trọn vẹn một số học phần bắt buộc hoặc hướng dẫn chính luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ trong chương trình đào tạo”.

Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo thực hiện đầy đủ các học phần bắt buộc và các nội dung thực hành, thực tập của chương trình. Ngoài ra, nhà trường bố trí đội ngũ nhân viên hỗ trợ đầy đủ về hành chính – học vụ, kỹ thuật – công nghệ thông tin, thư viện và tư vấn sinh viên, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

Đối với trường hợp đặc thù, theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT (và được hợp nhất tại VBHN số 07/VBHN-BGDĐT, năm 2024), điều kiện để mở ngành trình độ đại học bao gồm yêu cầu tối thiểu về đội ngũ giảng viên cơ hữu và đặc biệt phải có ít nhất một tiến sĩ làm chủ trì xây dựng chương trình đào tạo có ngành/chuyên ngành phù hợp với ngành đăng ký mở. Trong trường hợp đặc thù, khi chưa có tiến sĩ đúng ngành, có thể bố trí người có ngành gần nhưng phải chứng minh được năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn và khả năng đảm nhiệm vai trò học thuật tương đương. Với đặc thù liên ngành của ngành Quản lý xây dựng – kết hợp giữa kỹ thuật xây dựng, kinh tế xây dựng và quản lý dự án – một số chuyên ngành đào tạo như Kỹ thuật xây dựng, Quản lý dự án xây dựng, Kinh tế xây dựng, Quản trị kinh doanh trong xây dựng được xem là ngành gần phù hợp, đặc biệt khi người đảm nhiệm có chứng chỉ hành nghề quốc tế, kinh nghiệm nghiên cứu – giảng dạy – quản lý học thuật liên quan trực tiếp đến nội dung ngành đào tạo. Việc bố trí tiến sĩ ngành gần có chứng chỉ chuyên môn phù hợp là hoàn toàn đáp ứng yêu cầu về mặt chất lượng đào tạo, đồng thời thể hiện tính linh hoạt, thích ứng của cơ sở đào tạo trong giai đoạn đầu triển khai ngành mới.

5.2. **Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân sự hỗ trợ**

(1) **Năng lực chuyên môn phục vụ đào tạo**

Đối với việc phân công giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ chủ trì xây dựng CTĐT và giảng dạy khối kiến thức cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường đã tổ chức họp ngày 03/06/2025 và biểu quyết thông qua danh sách 02 giảng viên cơ hữu tốt nghiệp ngành gần, có năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn và khả năng đảm nhiệm vai trò học thuật tương đương. Cụ thể như sau:

- **Tiến sĩ Lê Đức Tuấn (1978); chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng; có chứng chỉ quốc tế về Quản lý dự án:** Tiến sĩ Lê Đức Tuấn tốt nghiệp trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng, có trên 17 năm kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu trong lĩnh vực xây dựng công trình. Bên cạnh nền tảng kỹ thuật chuyên sâu, tiến sĩ đã hoàn tất chứng chỉ PMP (Project Management Professional) do Google (GG) cấp – là một trong những chứng chỉ quốc tế uy tín trong lĩnh vực quản lý dự án xây dựng. Quá trình công tác của tiến sĩ tập trung vào các mảng quản lý tiến độ, lập dự toán, kiểm soát chất lượng và điều phối nguồn lực trong thi công xây dựng. Với sự kết hợp giữa chuyên môn kỹ thuật và năng lực quản lý dự án theo chuẩn quốc tế, tiến sĩ hoàn toàn đủ khả năng học thuật và thực tiễn để chủ trì xây dựng chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng theo hướng ứng dụng, phù hợp với nhu cầu thực tế của thị trường lao động.
- **TS. Nguyễn Phương Bắc (1976); tốt nghiệp đại học ngành Kỹ thuật Xây dựng; Thạc sĩ Quản lý Dự án; Tiến sĩ Quản trị kinh doanh; có quá trình công tác trong lĩnh vực Quản lý dự án xây dựng (2008 – 2023) – nền tảng kỹ thuật xây dựng, học thạc sĩ Quản lý dự án và Kỹ thuật xây dựng, tiến sĩ Quản trị kinh doanh:** Tiến sĩ Nguyễn Phương Bắc (1976) có lộ trình đào tạo liên ngành rất phù hợp với đặc thù của ngành Quản lý xây dựng. Cụ thể, tiến sĩ tốt nghiệp đại học ngành Kỹ thuật xây dựng, hoàn thành chương trình thạc sĩ Quản lý dự án và Kỹ thuật xây dựng, và sau đó bảo vệ thành công luận án tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh. Tiến sĩ có nhiều năm giảng dạy các học phần liên quan đến quản lý công trình, kinh tế xây dựng, kỹ năng điều hành dự

án và tư duy hệ thống trong tổ chức thi công. Với khả năng liên kết giữa kỹ thuật – kinh tế – quản trị, tiến sĩ Bắc có năng lực hoạch định và tích hợp chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng theo đúng định hướng ứng dụng, đa ngành và sát với thực tiễn. Ngoài ra, Tiến sĩ Nguyễn Phương Bắc có quá trình công tác trong lĩnh vực Quản lý dự án xây dựng từ năm 2008 đến năm 2023.

Như vậy, Khoa Kỹ thuật Công trình có đội ngũ cán bộ, giảng viên đáp ứng điều kiện mở ngành và tổ chức đào tạo ngành Quản lý xây dựng (7580302).

Danh sách giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ chủ trì xây dựng CTĐT và giảng dạy khối kiến thức cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành:

- TS. Lê Đức Tuấn (1978); Xây dựng DD và CN; Kỹ thuật xây dựng; có chứng chỉ quốc tế về quản lý dự án; chủ trì xây dựng CTĐT và giảng dạy khối kiến thức cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành;
- TS. Nguyễn Phương Bắc (1976); ngành Kỹ thuật công trình; Xây dựng DD và CN; Quản lý Dự án; Quản trị kinh doanh; có quá trình công tác trong lĩnh vực Quản lý dự án xây dựng (2008 – 2023);
- TS. Trần Ngọc Hội (1961); ngành Toán học; Đại số tuyến tính;
- TS. Thân Trọng Trần Hoan (1983); ngành Toán ứng dụng; Xây dựng;
- TS. Phan Thiệu Huy (1981); ngành Xây dựng DD và CN; Civil Engineering;
- TS. Đặng Văn Thương (1987); ngành Khoa học ứng dụng và công nghệ (Xây dựng, Thủy lợi);
- TS. Bùi Thanh Tâm (1956); ngành Kỹ thuật kết cấu, Kỹ thuật xây dựng.

(2) Danh sách cán bộ, giảng viên cơ hữu có thể tham gia giảng dạy các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành.

STT	Họ tên		Ngày sinh	HH-HV	Ngành, chuyên ngành
1	Nguyễn Tuấn	Anh	28/04/1977	THS	Kiến trúc công trình
2	Trương Đình Thảo	Anh	13/10/1979	THS	Kỹ thuật xây dựng; Xây dựng DD và CN
3	Nguyễn Phương	Bắc	18/09/1976	TS	Kỹ thuật công trình; Xây dựng DD và CN; Quản lý dự án; Quản trị kinh doanh
4	Nguyễn Duy	Cường	13/07/1981	THS	Kỹ thuật xây dựng; Xây dựng cầu - hầm
5	Ngô Hồng	Đức	20/08/1979	THS	Kỹ thuật xây dựng; Xây dựng công trình thủy
6	Ngô Thanh	Đức	01/08/1969	THS	Xây dựng DD và CN; Construction, Engineering, Quản lý dự án
7	Phạm Trường	Giang	27/08/1976	THS	Kỹ thuật công trình; Xây dựng DD và CN
8	Châu Minh	Hiếu	08/08/1978	THS	Kỹ thuật Xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình DD và CN
9	Thân Trọng Trần	Hoan	19/06/1983	TS	Toán ứng dụng; Xây dựng
10	Khuông Văn	Huân	08/05/1957	TS	Thủy lợi; Cầu kiện và vật liệu xây dựng; Xây dựng công trình thủy
11	Nguyễn Công	Huân	08/04/1985	THS	Kỹ thuật công trình; Địa chất công trình
12	Phan Thiệu	Huy	06/11/1981	TS	Xây dựng DD và CN; Địa kỹ thuật - Nền móng; Civil Engineering
13	Huỳnh Văn	Khanh	10/10/1978	THS	Kỹ thuật xây dựng; Công trình trên đất yếu
14	Trần Công	Lai	14/08/1978	THS	Kỹ thuật công trình; Xây dựng DD và CN
15	Phạm Quốc	Lâm	26/05/1978	THS	Kỹ thuật công trình; Xây dựng DD và CN
16	Phan Lữ Trí	Minh	04/02/1982	THS	Kỹ thuật công trình; Giáo dục học
17	Trần Tấn	Quốc	09/07/1953	THS	Xây dựng DD và CN

STT	Họ tên		Ngày sinh	HH-HV	Ngành, chuyên ngành
18	Bùi Thanh	Tâm	04/07/1956	TS	Kết cấu công trình; Kỹ thuật kết cấu
19	Bùi Công	Thành	10/10/1954	PGS-TS	Xây dựng; Khoa học ứng dụng
20	Nguyễn Tiến	Thành	22/12/1956	TS	Kiến trúc
21	Phạm Thị Minh	Thoa	10/08/1984	THS	Kiến trúc công trình; Kiến trúc
22	Đặng Văn	Thương	18/01/1987	TS	Khoa học ứng dụng và công nghệ (Xây dựng, Thủy lợi)
23	Tạ Thùy	Trang	26/03/1985	THS	Vật liệu xây dựng; Civil and Environmental
24	Trần Anh	Trung	16/04/1978	THS	Kỹ thuật xây dựng; Thủy lợi - Thủy điện
25	Lê Đức	Tuấn	13/10/1978	TS	Kỹ thuật công trình; Xây dựng DD và CN; Kỹ thuật xây dựng
26	Huỳnh Thanh	Vũ	11/08/1984	THS	Xây dựng DD và CN; Architecture and Civil

(3) Danh sách cán bộ, giảng viên cơ hữu có thể tham gia giảng dạy các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên biệt (giáo dục thể chất) và kiến thức giáo dục đại cương, ngoại ngữ.

STT	Họ tên		Ngày sinh	HH-HV	Ngành, chuyên ngành
1	Trịnh Ngọc	An	01/01/1962	THS	Toán; Đại số và lý thuyết số
2	Bùi Thị Vân	Anh	07/03/1987	THS	Luật học; Luật
3	Nguyễn Thị Thanh	Bình	26/07/1979	THS	Luật; Luật kinh tế
4	Nguyễn Văn	Hải	17/08/1961	THS	Kinh tế chính trị
5	Lý Gia	Hán	25/06/1995	THS	Giáo dục thể chất; Giáo dục học
6	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	15/07/1973	THS	Anh văn; Ngôn ngữ học so sánh
7	Trần Quang	Hiếu	01/01/1978	PGS-TS	Hóa học; Hóa phân tích
8	Phùng Văn	Hiệu	20/03/1992	THS	Luật; Luật dân sự và tố tụng dân sự
9	Nguyễn Huy	Hoàn	06/06/1960	TS	Luật Quốc tế; Tiếng Anh; Luật học
10	Trần Ngọc	Hội	02/01/1961	TS	Đại số; Toán học
11	Phạm Hoài	Huấn	08/12/1983	TS	Luật học; Luật kinh tế
12	Vũ Thị Bích	Hường	04/01/1963	THS	Luật học
13	Nguyễn Thị	Lệ	26/01/1991	THS	Triết học
14	Võ Văn	Mười	10/12/1970	THS	Chủ nghĩa xã hội khoa học
15	Thái Mỹ	Ngân	26/10/1989	THS	LL&PP dạy học Tiếng Anh
16	Phùng Tuấn	Ngọc	07/08/1995	THS	Ngôn ngữ Anh; LL và PP dạy học tiếng Anh
17	Lương Tuấn	Phương	14/07/1978	THS	Thể dục thể thao; Giáo dục thể chất
18	Nguyễn Thị Trúc	Phương	10/05/1989	THS	Sư phạm Toán; Lý thuyết XS và TK toán học
19	Quách Võ Hoàng	Quyên	21/05/1995	THS	Lịch sử khảo cổ học; Lịch sử Đảng CS Việt Nam
20	Huỳnh Anh	Tấn	25/05/1980	THS	Vật lý hạt nhân; Vật lý địa cầu
21	Nguyễn Hoàng Mỹ	Thanh	09/08/1979	THS	Ngữ văn Anh, QTKD; Giảng dạy tiếng Anh
22	Nguyễn Thị Dạ	Thảo	24/10/1992	THS	Sư phạm Tiếng Anh; Giáo dục đặc biệt, nâng cao
23	Phạm Ngọc	Thảo	24/10/1992	THS	Vật lý học; Vật lý địa cầu
24	Phan Quang	Thịnh	10/06/1959	PGS-TS	Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật
25	Phan Thị Bích	Trâm	14/08/1981	THS	Triết học
26	Phan Thị Mỹ	Trang	13/10/1985	THS	Ngữ văn Anh; LL&PP dạy học Tiếng Anh

STT	Họ tên	Ngày sinh	HH-HV	Ngành, chuyên ngành
27	Nguyễn Thị Ngọc Tú	16/12/1993	THS	Luật học; Luật dân sự và tố tụng dân sự
28	Trương Văn Tú	14/06/1990	THS	Giáo dục thể chất
29	Nguyễn Thành Ván	15/06/1954	PGS-TS	Vật lý địa cầu; Vật lý và Toán
30	Trương Vĩnh Xuân	02/07/1978	TS	Luật thương mại; Luật học; Luật kinh tế

5.3. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý ngành Quản lý xây dựng

Nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Quản lý xây dựng theo định hướng ứng dụng, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý chuyên môn theo các giai đoạn và định hướng cụ thể như sau:

(1) Hiện trạng đội ngũ (giai đoạn mở ngành)

Đội ngũ giảng viên cơ hữu hiện có gồm 26 giảng viên, trong đó có 01 Phó giáo sư, 08 tiến sĩ, 17 thạc sĩ, đều thuộc các chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng, Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Quản lý dự án xây dựng, Kết cấu công trình, Kỹ thuật nền móng, Vật liệu xây dựng, Quản trị dự án, Khoa học ứng dụng trong xây dựng.

Trong đó có 02 tiến sĩ ngành gần đáp ứng vai trò chủ trì xây dựng và triển khai chương trình đào tạo, có đầy đủ năng lực chuyên môn, học thuật và chứng chỉ chuyên ngành phù hợp (như PMP – Project Management Professional).

Các giảng viên đảm nhiệm các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành và quản lý đều có kinh nghiệm giảng dạy tại các trường đại học kỹ thuật, đã từng hướng dẫn đồ án tốt nghiệp, tham gia biên soạn học liệu và hợp tác doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng.

(2) Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý chuyên môn

Cán bộ quản lý khoa/bộ môn: Bố trí các giảng viên có trình độ tiến sĩ, thâm niên giảng dạy và kinh nghiệm triển khai đào tạo ngành gần để giữ vai trò Trưởng ngành, Trưởng bộ môn và tổ trưởng chuyên môn.

Tổ chức Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp Khoa, đảm nhiệm việc thẩm định học liệu, chương trình, cải tiến đánh giá học phần theo chuẩn CDIO và AUN-QA.

Hàng năm, cử cán bộ quản lý tham dự các khóa tập huấn, bồi dưỡng về đảm bảo chất lượng giáo dục, quản trị đại học, chuyển đổi số trong giáo dục kỹ thuật do Bộ GDĐT và các tổ chức chuyên môn tổ chức.

(3) Kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên giai đoạn 2025 – 2030

Giai đoạn	Chỉ tiêu	Giải pháp
2025 – 2026	Duy trì ổn định đội ngũ hiện có (≥ 5 tiến sĩ, ≥ 10 thạc sĩ cơ hữu); mời giảng viên thỉnh giảng từ các trường/khoa xây dựng uy tín.	Ký kết hợp tác chuyên môn với ĐH Xây dựng, ĐH Bách khoa, Viện Kinh tế Xây dựng. Cập nhật chương trình đào tạo định kỳ và tổ chức tập huấn giảng viên.
2026 – 2028	Bổ sung thêm ≥ 02 tiến sĩ đúng ngành hoặc ngành gần; ≥ 03 giảng viên thạc sĩ có năng lực nghiên cứu và thực tiễn.	Cử giảng viên nội bộ đi học tiến sĩ trong/ngoài nước ngành Quản lý xây dựng hoặc ngành gần. - Mời giảng viên kiêm nhiệm có kinh nghiệm thực tiễn trong các doanh nghiệp, ban QLDA.
2028 – 2030	Hoàn thiện đội ngũ giảng viên ≥ 8 tiến sĩ, ≥ 15 thạc sĩ cơ hữu; có 01–02 giảng viên đạt chức danh phó giáo sư.	Xây dựng kế hoạch phát triển học hàm, học vị. Khuyến khích nghiên cứu, công bố khoa học và tham gia hội thảo chuyên ngành.

Tóm lại: Với đội ngũ hiện có và kế hoạch phát triển bền vững đến năm 2030, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn cam kết đảm bảo đầy đủ và ổn định đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý ngành Quản lý xây dựng theo đúng quy định của Bộ GDĐT, đồng thời đáp ứng tốt yêu cầu về chất lượng và tính ứng dụng trong đào tạo.

VI. Điều kiện về cơ sở vật chất tổ chức đào tạo

6.1. Nhà trường tổ chức triển khai CTĐT đại học ngành Quản lý xây dựng tại cơ sở chính của trường (180 Cao Lỗ, Phường 04, Quận 08, Thành phố Hồ Chí Minh).

(1) Sử dụng chung cơ sở vật chất, trang thiết bị sẵn có:

- Đối với các lớp lý thuyết, sử dụng hệ thống phòng học lý thuyết hiện có;
- Đối với các lớp học ngoại ngữ, sử dụng phòng máy tính, phòng lab sẵn có của trường;
- Đối với các lớp học thực hành máy tính, chuyên đề, sử dụng phòng máy sẵn có của trường;
- Đối với các lớp thể dục, thể thao, sử dụng sân thể thao ngoài trời, trong nhà của trường.

(2) Các phòng máy hiện có:

Hiện nay, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn có tổng cộng 17 phòng máy tính được bố trí tại các khu nhà B, C và A, đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy, thực hành tin học ứng dụng, mô phỏng kỹ thuật và triển khai các học phần chuyên ngành cho khối ngành kỹ thuật – công nghệ, trong đó có ngành Quản lý xây dựng. Hệ thống phòng máy được quản lý tập trung, vận hành ổn định, được bảo trì – nâng cấp định kỳ, và có thể bố trí linh hoạt theo kế hoạch đào tạo từng học kỳ.

Trong số đó, phòng máy tính KTCT (B406) được bố trí và trang bị chuyên biệt phục vụ riêng cho đào tạo các học phần thuộc nhóm ngành xây dựng. Đây là phòng máy chuyên dụng dành cho sinh viên ngành Quản lý xây dựng và Kỹ thuật xây dựng thực hành các môn học như: Tin học ứng dụng trong xây dựng, Thiết kế bản vẽ kỹ thuật, Lập tiến độ – dự toán công trình, Quản lý hồ sơ và hợp đồng xây dựng, sử dụng các phần mềm chuyên ngành đặc thù.

Ngoài phòng máy tính KTCT, các phòng máy còn lại được đánh số từ PM01 đến PM12.2, phân bố chủ yếu tại tầng 3 khu B, cùng một số phòng tại khu A và khu C. Một số phòng máy mang tính liên ngành như phòng máy tính QTKD (B404.1) và DESIGN (C209, C210) cũng có thể được khai thác hiệu quả cho các học phần tích hợp như Kinh tế kỹ thuật, Quản trị dự án xây dựng, Quản lý tài chính – rủi ro trong xây dựng, giúp sinh viên phát triển năng lực liên ngành và kỹ năng ứng dụng công nghệ số trong hoạt động xây dựng.

Tất cả các phòng máy đều được trang bị máy tính cấu hình cao, đáp ứng vận hành tốt các phần mềm như AutoCAD, Revit, MS Project, CostX, G8/Dự toán Eta, Excel chuyên dụng, cùng với hệ thống mạng tốc độ cao và thiết bị trình chiếu hiện đại. Hệ thống này tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên ngành Quản lý xây dựng thực hành kỹ năng thiết kế – lập kế hoạch – điều phối dự án, sử dụng thành thạo các công cụ kỹ thuật số phổ biến trong ngành xây dựng hiện nay.

Trong thời gian tới, nhà trường có kế hoạch tiếp tục đầu tư và phát triển thêm phòng Lab chuyên đề phục vụ đào tạo ngành Quản lý xây dựng, như: Lab mô phỏng tiến độ – khối lượng – chi phí, Lab tích hợp phần mềm BIM, Lab quản lý hợp đồng – hồ sơ – thanh quyết toán, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và tiệm cận các tiêu chuẩn đào tạo kỹ sư quản lý xây dựng trong môi trường số hóa và hội nhập quốc tế.

(3) Các phòng thí nghiệm, thực hành hiện có do Khoa Kỹ thuật Công trình phụ trách

STT	Vị trí phòng	Tên phòng	Tổng diện tích (m2)
1	B406	Trung tâm Tính toán Ứng dụng KTCT	48
2	Khu F101	PTN. Vật liệu xây dựng	82

STT	Vị trí phòng	Tên phòng	Tổng diện tích (m2)
3	Khu F102	PTN. Cơ học đất - Khu F	28
4	Khu F103	Phòng thực tập trắc địa Khu F	28
5	Khu F104	PTN. Sức bền vật liệu - Khu F	40

(4) Ngoài giảng đường, phòng học, phòng thí nghiệm/thực hành, xưởng thực hành/thực tập sẵn có, nhà trường đã và đang tiến hành đồng bộ các bước chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị sử dụng đào tạo ngành Quản lý xây dựng khi được phép mở ngành. Đồng thời, ký kết các văn bản ghi nhớ, hợp đồng đào tạo với các công ty, doanh nghiệp để sinh viên thực tập.

6.2. Các công việc chuẩn bị đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phần mềm sử dụng để đào tạo ngành Quản lý xây dựng

Nhà trường đã và đang thực hiện các công việc chuẩn bị đầu tư nhằm đảm bảo đủ điều kiện tổ chức đào tạo ngành Quản lý xây dựng theo định hướng ứng dụng – thực hành. Cụ thể:

(1) **Phòng học lý thuyết và phòng máy tính:** Toàn bộ sinh viên được học tại các phòng học tiêu chuẩn, có máy chiếu, bảng tương tác và kết nối mạng tốc độ cao. Trong đó, phòng máy tính KTCT (B406) là phòng máy chuyên dụng phục vụ ngành xây dựng, được trang bị các phần mềm như AutoCAD, Revit, MS Project, CostX, G8/Dự toán Eta, Excel chuyên dụng, hỗ trợ thực hành các học phần kỹ thuật – quản lý xây dựng.

(2) **Phòng thí nghiệm – thực hành liên quan:** Sinh viên ngành Quản lý xây dựng được sử dụng chung các phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng, cơ học đất, sức bền vật liệu, và trắc địa hiện có của Khoa Kỹ thuật Công trình.

(3) **Hệ thống phần mềm:** Nhà trường đã và đang đầu tư nâng cấp các phần mềm chuyên ngành phục vụ công tác lập tiến độ, dự toán, mô phỏng thi công và quản lý dự án, như: MS Project, Primavera P6, Revit, AutoCAD, CostX, G8, Tekla BIMsight, cùng các phần mềm hỗ trợ giảng dạy – mô phỏng tình huống thực tiễn.

(4) **Hạ tầng công nghệ – LMS:** Hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS), hệ thống mạng không dây toàn trường, và nền tảng quản trị học liệu số đã sẵn sàng phục vụ dạy học kết hợp (blended learning) và quản lý hồ sơ đào tạo chuyên ngành.

6.3. Hợp tác doanh nghiệp và khai thác cơ sở vật chất bên ngoài

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn xác định rõ vai trò của doanh nghiệp trong đào tạo theo định hướng ứng dụng và đã xây dựng kế hoạch hợp tác với các đơn vị trong ngành xây dựng nhằm:

(1) **Tổ chức thực tập, kiến tập:** Liên kết với các công ty xây dựng, đơn vị tư vấn thiết kế, nhà thầu thi công và ban quản lý dự án để tổ chức các đợt kiến tập thực tế, thực tập chuyên môn và thực tập tốt nghiệp theo kế hoạch học tập.

(2) **Khai thác cơ sở vật chất ngoài trường:** Sinh viên được tiếp cận công trường thực tế, phòng thiết kế kỹ thuật, bộ phận quản lý dự án, phòng kế hoạch – đấu thầu – dự toán của các doanh nghiệp để quan sát và tham gia các hoạt động thực hành nghiệp vụ.

(3) **Hợp tác đào tạo và nghiên cứu ứng dụng:** Nhà trường mời chuyên gia, kỹ sư trưởng, chỉ huy trưởng công trình, giám đốc dự án tham gia giảng dạy các chuyên đề, phản biện đồ án tốt nghiệp, tổ chức seminar và tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên.

(4) **Tiếp nhận thông tin phản hồi và nhu cầu nhân lực:** Doanh nghiệp là đối tác chiến lược trong khảo sát nhu cầu lao động, góp ý chương trình đào tạo và cam kết tuyển dụng sinh viên sau khi tốt nghiệp.

6.4. Thư viện, học liệu và dữ liệu nghiên cứu

- (1) **Thư viện truyền thông và số hóa:** Sinh viên ngành Quản lý xây dựng được sử dụng hệ thống thư viện của nhà trường với hàng nghìn đầu sách chuyên ngành về kỹ thuật xây dựng, quản lý dự án, kinh tế xây dựng, luật xây dựng và kỹ thuật thi công. Ngoài ra, thư viện số cung cấp hàng trăm tài liệu học thuật dưới dạng ebook, giáo trình điện tử và tài liệu tham khảo số hóa.
- (2) **Hệ thống học liệu LMS:** Tài nguyên giảng dạy, đề cương chi tiết, bài giảng, bài tập, tình huống mô phỏng được cập nhật liên tục trên hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS), giúp sinh viên dễ dàng truy cập, học tập mọi lúc mọi nơi.
- (3) **Nguồn dữ liệu nghiên cứu:** Sinh viên và giảng viên được khai thác các cơ sở dữ liệu nghiên cứu từ thư viện điện tử quốc gia, Google Scholar, Scopus (trong hợp tác nghiên cứu), các công trình thực tế từ doanh nghiệp và bộ hồ sơ dự án mẫu do doanh nghiệp cung cấp.
- (4) **Học liệu tự phát triển:** Khoa Kỹ thuật Công trình đang triển khai biên soạn các giáo trình nội bộ, tài liệu hướng dẫn thực hành, video hướng dẫn phần mềm phù hợp với thực tiễn ngành nghề và năng lực đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng.

VII. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý

7.1. Cơ cấu tổ chức và quản lý cấp trường

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn có hệ thống tổ chức quản lý đầy đủ, hoạt động theo mô hình đại học tư thục, với các đơn vị chức năng và chuyên môn được phân cấp rõ ràng, bảo đảm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đào tạo. Hội đồng trường nhiệm kỳ 2024 – 2029 đã được thành lập và hoạt động đúng quy định. Ban Giám hiệu nhà trường gồm Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng phụ trách các mảng đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và quản trị.

Các phòng ban chức năng như Phòng Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên, Phòng Quản lý khoa học và Sau đại học, Phòng Hành chính – Nhân sự - Pháp chế, Phòng Quản lý tài sản và Bảo trì trang thiết bị, Ban Đảm bảo chất lượng giáo dục, Ban Thanh tra giáo dục và các đơn vị khác phối hợp chặt chẽ trong công tác triển khai và quản lý chương trình đào tạo, đảm bảo các điều kiện tổ chức đào tạo ngành mới được thực hiện theo đúng chuẩn của Bộ GDĐT.

7.2. Đơn vị chuyên môn phụ trách ngành

Ngành Quản lý xây dựng được tổ chức đào tạo và quản lý chuyên môn tại Khoa Kỹ thuật Công trình – đơn vị chuyên môn trực thuộc Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn, có chức năng đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác doanh nghiệp trong các lĩnh vực kỹ thuật xây dựng và công nghệ kỹ thuật xây dựng. Khoa đã có kinh nghiệm tổ chức đào tạo thành công ngành Kỹ thuật xây dựng từ nhiều năm, với đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ cao, chương trình đào tạo theo hướng ứng dụng, hệ thống phòng thí nghiệm và xưởng thực hành đồng bộ.

- (1) Bộ máy tổ chức của Khoa Kỹ thuật Công trình bao gồm:
 - Trưởng khoa: Có trình độ tiến sĩ, giàu kinh nghiệm trong quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển chương trình thuộc lĩnh vực xây dựng.
 - Tổ chuyên môn Quản lý xây dựng: Được thành lập để trực tiếp đảm trách các nội dung học thuật liên quan đến ngành, gồm tổ trưởng và các giảng viên có chuyên môn về kỹ thuật xây dựng, quản lý dự án, kinh tế xây dựng, kỹ thuật thi công, pháp luật xây dựng...
 - Thư ký khoa, cố vấn học tập và tổ thư viện học liệu: Được phân công để hỗ trợ công tác học vụ, hướng dẫn sinh viên và tổ chức cập nhật học liệu phục vụ ngành đào tạo.
- (2) Khoa có năng lực triển khai chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng trên cơ sở:
 - Đội ngũ giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp, trong đó có ít nhất 02 tiến sĩ ngành gần đủ điều kiện chủ trì xây dựng chương trình đào tạo, cùng với các tiến sĩ, thạc sĩ

chuyên ngành kỹ thuật xây dựng, quản lý dự án, kết cấu công trình, địa kỹ thuật, kinh tế xây dựng.

- Cơ sở vật chất, phòng học, phòng máy, phòng thí nghiệm và trang thiết bị sẵn có từ các ngành đang đào tạo, có thể dùng chung hiệu quả và được bố trí phù hợp với định hướng ứng dụng của ngành mới.
- Năng lực tổ chức thực hành – thực tập và kết nối doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo theo hướng nghề nghiệp – thực tiễn.

Với cơ cấu tổ chức ổn định, đội ngũ giảng viên có năng lực chuyên môn và hệ thống hỗ trợ đào tạo hoàn chỉnh, Khoa Kỹ thuật Công trình hoàn toàn đủ điều kiện để đảm nhiệm vai trò đơn vị chuyên môn phụ trách ngành Quản lý xây dựng theo quy định hiện hành.

7.3. Nhân sự quản lý và hội đồng chuyên môn ngành

(1) Xây dựng đề án mở ngành

Nhà trường đã thành lập Ban xây dựng đề án mở ngành, Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo và Hội đồng Thẩm định chương trình theo đúng trình tự và thành phần quy định.

Các hội đồng này bao gồm các giảng viên, chuyên gia và nhà quản lý có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên, trong đó có tối thiểu một thành viên có học vị tiến sĩ ngành Quản lý xây dựng, ngành gần. Nhân sự chủ trì ngành đảm nhận vai trò tổ chức, điều phối học thuật và quản lý chuyên môn chương trình đào tạo, đồng thời trực tiếp tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Hệ thống này được thiết lập nhằm đảm bảo chương trình đào tạo được triển khai đúng định hướng, phù hợp với khung trình độ quốc gia, đáp ứng nhu cầu nhân lực và yêu cầu kiểm định chất lượng trong giáo dục đại học.

(2) Tổ chức nhân sự quản lý và hội đồng chuyên môn ngành được thực hiện như sau:

Để đảm bảo tổ chức đào tạo ngành Quản lý xây dựng đúng quy định và đạt chất lượng theo định hướng ứng dụng, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đã xây dựng đội ngũ nhân sự quản lý ngành và thành lập Hội đồng chuyên môn ngành với các thành phần có năng lực chuyên môn, học thuật và kinh nghiệm thực tiễn phù hợp.

Nhân sự quản lý ngành: Ngành Quản lý xây dựng được bố trí nhân sự quản lý ổn định, có đủ năng lực chuyên môn và kinh nghiệm triển khai chương trình đào tạo, cụ thể:

- Trường khoa Kỹ thuật Công trình: Phụ trách quản lý chung về đào tạo, học thuật, nhân sự và phát triển ngành, trình độ tiến sĩ chuyên ngành kỹ thuật xây dựng, nhiều năm kinh nghiệm giảng dạy và quản lý chuyên môn trong khối ngành xây dựng.
- Tổ trưởng chuyên môn ngành Quản lý xây dựng: Do giảng viên có trình độ tiến sĩ ngành gần (Kỹ thuật xây dựng, Quản lý dự án, Quản trị công trình xây dựng) đảm nhiệm; có kinh nghiệm triển khai giảng dạy các học phần cốt lõi của ngành, có chứng chỉ chuyên môn quốc tế (ví dụ PMP), đảm bảo năng lực xây dựng và điều phối chương trình đào tạo.
- Cố vấn học tập: Bố trí từ giảng viên có trình độ thạc sĩ hoặc tiến sĩ, am hiểu chương trình đào tạo, trực tiếp hỗ trợ sinh viên trong học tập, rèn luyện và lựa chọn hướng chuyên môn.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp khoa (hay, Hội đồng chuyên môn ngành): Nhằm đảm bảo chất lượng xây dựng, thẩm định và cải tiến chương trình đào tạo ngành Quản lý xây dựng, nhà trường đã thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp khoa, gồm các thành viên là giảng viên, nhà nghiên cứu và chuyên gia trong lĩnh vực xây dựng – quản lý dự án, cụ thể:

- Chủ tịch hội đồng: Trường khoa Kỹ thuật Công trình.

- Thành viên thường trực: Gồm các tiến sĩ, thạc sĩ cơ hữu chuyên ngành xây dựng, quản lý dự án, kỹ thuật công trình, kết cấu, kinh tế xây dựng, đã và đang trực tiếp giảng dạy tại Trường.
- Thành viên mời: Có thể là chuyên gia doanh nghiệp, nhà quản lý dự án, đại diện cơ quan quản lý nhà nước, hoặc giảng viên từ các cơ sở giáo dục đại học uy tín có đào tạo ngành gần, được mời tham gia phản biện chương trình và góp ý cải tiến.
- Hội đồng chuyên môn có nhiệm vụ:
 - + Thẩm định chương trình đào tạo, đề cương học phần và tài liệu giảng dạy.
 - + Tham gia xây dựng định hướng phát triển ngành, chuẩn đầu ra, lộ trình đào tạo và kế hoạch cải tiến.
 - + Đánh giá mức độ phù hợp của chương trình với thực tiễn ngành nghề và yêu cầu thị trường lao động.
 - + Hỗ trợ kết nối hợp tác với doanh nghiệp và phản biện học thuật đối với đề án tốt nghiệp, nghiên cứu sinh viên.

VIII. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo

8.1. Quy định về việc sẵn sàng chuyển đổi hình thức đào tạo sang học trực tuyến trong các tình huống đặc biệt

Nhằm bảo đảm tính liên tục, linh hoạt và thích ứng trong tổ chức hoạt động đào tạo, đặc biệt trong bối cảnh có thể phát sinh các tình huống bất thường như dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, thiên tai, sự cố môi trường, hoặc các yếu tố khách quan khác gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc học tập trung tại cơ sở giáo dục, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn quy định về việc sẵn sàng chuyển đổi từ hình thức đào tạo trực tiếp (tập trung) sang hình thức đào tạo trực tuyến.

Quy định là một phần của kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo trong bối cảnh rủi ro và sẽ được cập nhật, điều chỉnh phù hợp với thực tiễn và quy định hiện hành của các cơ quan quản lý. Các đơn vị, cá nhân không tuân thủ quy định sẽ bị xử lý theo nội quy học vụ và quy chế nội bộ của Trường.

(1) Mục tiêu và nguyên tắc thực hiện:

Việc chuyển đổi sang hình thức học trực tuyến được triển khai nhằm:

- Đảm bảo tiến độ và kế hoạch đào tạo toàn khóa học theo chương trình được phê duyệt;
- Đảm bảo quyền lợi học tập và tiếp cận tri thức của sinh viên trong mọi hoàn cảnh;
- Tuân thủ các chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên về phòng, chống dịch bệnh hoặc ứng phó tình huống khẩn cấp;
- Đảm bảo chất lượng dạy và học thông qua việc duy trì các tiêu chí kiểm soát nội dung, thời lượng, phương pháp và đánh giá.

(2) Các điều kiện áp dụng:

Việc chuyển sang học trực tuyến được thực hiện khi:

- Có thông báo, quyết định chính thức của trường, căn cứ theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Bộ Y tế, Ủy ban Nhân dân (UBND) địa phương hoặc Ban chỉ đạo phòng, chống dịch;
- Có đề xuất từ Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Phòng Đào tạo, hoặc Ban Chỉ đạo phòng chống dịch của Trường (trong tình huống đặc thù);
- Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ, nhân lực giảng dạy và hỗ trợ kỹ thuật đảm bảo đủ điều kiện tổ chức đào tạo trực tuyến đồng bộ hoặc kết hợp.

(3) Trách nhiệm của các bên liên quan:

Đối với Nhà trường: Bảo đảm hệ thống quản lý học tập (LMS), nền tảng học trực tuyến (Zoom, MS Teams, Google Meet...) luôn ở trạng thái sẵn sàng; cung cấp tài khoản truy cập, tài liệu hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật kịp thời cho giảng viên và sinh viên; theo dõi, đánh giá và cải tiến hoạt động đào tạo trực tuyến định kỳ.

Đối với khoa, bộ môn và giảng viên: Chủ động cập nhật nội dung giảng dạy phù hợp với hình thức trực tuyến; xây dựng kế hoạch giảng dạy chi tiết (theo tuần/học phần); thực hiện kiểm tra, đánh giá đảm bảo tính khách quan và minh bạch; phối hợp chặt chẽ với Phòng Đào tạo và các đơn vị hỗ trợ trong triển khai kỹ thuật và quản lý lớp học.

Đối với sinh viên: Có trách nhiệm chuẩn bị thiết bị học tập cá nhân (máy tính, kết nối internet ổn định...); tuân thủ lịch học trực tuyến; chủ động học tập, thực hiện đầy đủ yêu cầu của giảng viên; tham gia kiểm tra, đánh giá đúng quy định; liên hệ với cố vấn học tập hoặc bộ phận hỗ trợ nếu gặp khó khăn.

(4) Hình thức thông báo và hướng dẫn triển khai:

Khi có quyết định chuyển sang học trực tuyến, Hiệu trưởng sẽ ký ban hành thông báo chính thức thông qua các kênh thông tin sau:

- Trang thông tin điện tử chính thức của Trường;
- Hệ thống quản lý học tập (LMS);
- Email học vụ và tài khoản sinh viên;
- Các nhóm lớp do cố vấn học tập hoặc trợ lý đào tạo phụ trách.

Thông báo sẽ kèm theo: Lịch học trực tuyến, danh sách lớp học/giảng viên, hướng dẫn truy cập lớp học, phương thức điểm danh, yêu cầu thiết bị, quy chế kiểm tra – đánh giá trong học phần trực tuyến.

(5) Các phương án hỗ trợ sinh viên:

Trường cam kết triển khai các biện pháp hỗ trợ phù hợp để đảm bảo sinh viên có thể tiếp cận được hoạt động học tập từ xa, bao gồm:

- Cung cấp học liệu điện tử, tài khoản truy cập phần mềm bản quyền;
- Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng hệ thống trực tuyến;
- Tư vấn, hỗ trợ tâm lý, kế hoạch học tập cho sinh viên trong thời gian giãn cách, cách ly;
- Xem xét gia hạn hoặc điều chỉnh tiến độ học tập đối với sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

8.2. Phương án xử lý rủi ro trong tổ chức đào tạo

Để bảo đảm hoạt động đào tạo được triển khai liên tục, hiệu quả và thích ứng với các tình huống phát sinh, nhà trường xây dựng phương án xử lý rủi ro trong quá trình tổ chức đào tạo như sau:

(1) Mục tiêu của phương án

- Đảm bảo quyền lợi học tập, đánh giá và tốt nghiệp của người học.
- Duy trì chất lượng đào tạo trong mọi điều kiện khách quan.
- Chủ động ứng phó, giảm thiểu hại và phục hồi nhanh chóng hoạt động đào tạo khi rủi ro xảy ra.

(2) Các loại rủi ro có thể xảy ra

- Rủi ro do yếu tố dịch bệnh, thiên tai: Dịch COVID-19, bão lụt, động đất, dịch tễ học tại địa phương ảnh hưởng đến việc học tập trung.
- Rủi ro kỹ thuật – công nghệ: Gián đoạn hệ thống LMS, nền tảng học trực tuyến, mất kết nối mạng, lỗi phần mềm đánh giá.

- Rủi ro nhân sự: Giảng viên, cán bộ đào tạo nghỉ việc đột xuất, ốm đau, thiếu nhân lực giảng dạy.
- Rủi ro tài chính – cơ sở vật chất: Giảm đoạn nguồn lực tài chính, sự cố hạ tầng giảng đường, máy móc thiết bị.
- Rủi ro tâm lý – tinh thần của sinh viên: Stress, hoang mang khi học online;
- Rủi ro do thay đổi chính sách, pháp lý, quy định : Thay đổi quy định từ cơ quan quản lý, thay đổi quy định công nhận tín chỉ, bằng cấp...

(3) **Nguyên tắc xử lý rủi ro:** Chủ động phòng ngừa – Ứng phó linh hoạt – Phối hợp đồng bộ – Khôi phục nhanh chóng – Truyền thông kịp thời – Cải tiến sau khủng hoảng

- Chủ động phòng ngừa: Lập kế hoạch, dự phòng và diễn tập xử lý định kỳ đối với các tình huống có khả năng xảy ra.
- Ứng phó linh hoạt: Kích hoạt kịch bản chuyển đổi phù hợp với từng loại rủi ro; bảo đảm tối thiểu gián đoạn hoạt động học tập.
- Phối hợp đồng bộ: Huy động sự tham gia của tất cả đơn vị liên quan (đào tạo, công tác sinh viên, công nghệ thông tin, cơ sở vật chất, hành chính, y tế học đường...).
- Truyền thông kịp thời: Cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác cho người học và giảng viên.
- Phục hồi và đánh giá: Nhanh chóng hoạt động trở lại bình thường và đánh giá rút kinh nghiệm.

(4) **Các biện pháp cụ thể**

Loại rủi ro	Phương án xử lý
Dịch bệnh, thiên tai	Chuyển đổi sang hình thức học trực tuyến, tổ chức lớp học dự phòng, điều chỉnh kế hoạch học – thi, tăng cường học liệu số.
Gián đoạn kỹ thuật	Sử dụng nền tảng học trực tuyến thay thế; hỗ trợ kỹ thuật khẩn cấp; hướng dẫn sinh viên sử dụng thiết bị ngoại tuyến tạm thời (PDF, video).
Thiếu giảng viên	Phân công giảng viên thay thế trong cùng học phần hoặc học kỳ kế tiếp; mời giảng viên thỉnh giảng; dạy bù theo kế hoạch.
Sự cố cơ sở vật chất	Di dời lớp học đến cơ sở khác; tổ chức học ngoài giờ; tăng cường ứng dụng CNTT để thay thế một phần dạy trực tiếp.
Rủi ro tâm lý sinh viên	Tổ chức tư vấn tâm lý; hỗ trợ học tập; phối hợp chặt chẽ với cố vấn học tập và Phòng CTSV.
Thay đổi chính sách	Điều chỉnh chương trình đào tạo, lịch học – thi, tiến độ tốt nghiệp theo quy định mới; tổ chức hướng dẫn sinh viên kịp thời.

(5) **Phân công trách nhiệm**

- Ban Giám hiệu: Chỉ đạo chung, phê duyệt phương án điều chỉnh.
- Phòng Đào tạo:
 - + Chủ trì lập kế hoạch ứng phó, xây dựng lịch học, phối hợp triển khai các giải pháp học tập thay thế.
 - + Chủ trì xây dựng nền tảng học trực tuyến; phối hợp với cán bộ kỹ thuật (bảo trì), tập huấn và hỗ trợ kỹ thuật cho giảng viên và sinh viên.
- Phòng Quản lý tài sản, bảo trì trang thiết bị:
 - + Bộ phận Công nghệ Thông tin, Chuyển đổi số: Bảo trì hệ thống, trực kỹ thuật, đảm bảo đường truyền và nền tảng học trực tuyến luôn sẵn sàng. Phối hợp với đơn vị chủ trì hỗ trợ kỹ thuật cho giảng viên và sinh viên.
 - + Bộ phận Quản lý tài sản, cơ sở vật chất: Kiểm tra, bảo trì hạ tầng định kỳ; lập phương án bố trí lớp học thay thế.

- Phòng Công tác sinh viên: Theo dõi tình hình sinh viên, đặc biệt các trường hợp gặp khó khăn khi học online; tổ chức các hoạt động tư vấn tâm lý, hỗ trợ học tập và kết nối với giảng viên/cố vấn học tập; thống kê nhu cầu mượn thiết bị học tập, hỗ trợ truy cập mạng; phối hợp Phòng Đào tạo để đảm bảo sinh viên nắm bắt đầy đủ thông tin và điều chỉnh lộ trình học phù hợp.
- Khoa/Ban chuyên môn/Bộ môn:
 - + Ban chủ nhiệm khoa: Rà soát tình trạng giảng viên, điều chỉnh kế hoạch giảng dạy, đề xuất giảng viên thay thế khi cần.
 - + Giảng viên: Thực hiện giảng dạy theo hình thức thay đổi; chuẩn bị tài liệu số; báo cáo khó khăn phát sinh.
 - + Cố vấn học tập: Truyền thông đến sinh viên, hỗ trợ giải đáp và hướng dẫn điều chỉnh kế hoạch học tập; Cập nhật tình hình lớp; kết nối giảng viên – sinh viên – Phòng Công tác sinh viên – Phòng Đào tạo – Văn phòng Khoa/Ban.
 - + Sinh viên: Chủ động nắm bắt thông tin, cập nhật lịch học, chuẩn bị thiết bị học tập, báo cáo kịp thời khó khăn phát sinh.

(6) Cơ chế cập nhật, báo cáo và cải tiến

- Các đơn vị tổ chức đào tạo có trách nhiệm đánh giá định kỳ khả năng ứng phó rủi ro trong học kỳ, năm học.
- Các rủi ro phát sinh ngoài kịch bản cần được lập báo cáo nhanh, gửi về Phòng Đào tạo trong vòng 24 giờ để tổng hợp, điều chỉnh kế hoạch đào tạo (nếu có), báo cáo Hiệu trưởng phê duyệt, quyết định, Phòng Đào tạo chủ trì tổ chức thực hiện.
- Sau mỗi tình huống khẩn cấp, Ban giám hiệu tổ chức họp tổng kết, đánh giá hiệu quả xử lý, rút kinh nghiệm và cải tiến quy trình.

8.3. Các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp nhà trường bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo với các phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, nhà trường và các bên liên quan

Nhà trường thực hiện đầy đủ các phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro nhằm bảo đảm quyền lợi của người học, giảng viên và giữ gìn uy tín của nhà trường. Các giải pháp được xây dựng linh hoạt, phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn quản lý giáo dục đại học tại Việt Nam.

(1) Nguyên tắc xây dựng phương án và giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

- Lấy người học làm trung tâm: Đảm bảo quyền lợi học tập, không gián đoạn quá trình học và cơ hội nghề nghiệp.
- Tuân thủ pháp luật: Phù hợp với các quy định của Bộ GDĐT, đặc biệt về đình chỉ ngành, chuyển tiếp, công nhận tín chỉ.
- Minh bạch, kịp thời: Thông tin đầy đủ, công khai đến người học, giảng viên và bên liên quan.
- Chủ động phòng ngừa: Thiết lập hệ thống cảnh báo sớm, giám sát điều kiện đảm bảo chất lượng.
- Linh hoạt, đa phương án: Xây dựng nhiều kịch bản ứng phó phù hợp với từng nhóm đối tượng.
- Phối hợp đồng bộ: Huy động sự tham gia của các phòng ban và đối tác liên kết trong xử lý rủi ro.
- Đảm bảo liên tục đào tạo: Duy trì tiến trình học tập, bảo toàn giá trị chương trình và văn bằng.

(2) Phương án và giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

Nhà trường xây dựng phương án và giải pháp xử lý rủi ro dựa trên năm trụ cột chính: Ngăn ngừa – Củng cố – Xây dựng – Phát triển – Xử lý khi bất khả kháng, nhằm đảm bảo quyền lợi của người học, giảng viên và giữ vững chất lượng đào tạo.

Phương án ngăn ngừa:

- Thực hiện đánh giá định kỳ các điều kiện đảm bảo chất lượng ngành đào tạo: đội ngũ, cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, tuyển sinh và hiệu quả đào tạo.
- Thiết lập hệ thống cảnh báo sớm về các nguy cơ có thể dẫn đến đình chỉ như thiếu giảng viên, không đủ người học, không đạt chuẩn chất lượng.
- Kiện toàn bộ máy quản lý ngành và quy trình đào tạo để đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ GDĐT.

Phương án Củng cố

- Tăng cường đội ngũ giảng viên cơ hữu, đẩy mạnh công tác bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao trình độ và kỹ năng sư phạm.
- Chuẩn hóa và cập nhật chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận thực tiễn, gắn với nhu cầu thị trường lao động.
- Hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ, tăng cường kiểm tra – giám sát chuyên môn và hoạt động dạy – học.

Phương án Xây dựng

- Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ dạy học, bao gồm phòng học, phòng thí nghiệm, thư viện, trang thiết bị và phần mềm chuyên dụng.
- Xây dựng hệ thống học liệu số, giáo trình điện tử, bài giảng tích hợp công nghệ và nguồn học liệu mở.
- Thiết lập mạng lưới hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp để hỗ trợ thực tập, giảng dạy chuyên đề và nghiên cứu ứng dụng.

Phương án Phát triển

- Mở rộng quy mô tuyển sinh một cách hợp lý, chú trọng truyền thông thương hiệu ngành và tư vấn hướng nghiệp từ sớm.
- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học ứng dụng, đổi mới sáng tạo trong dạy và học.
- Phát triển hệ sinh thái học thuật ngành: câu lạc bộ học thuật, diễn đàn chuyên ngành, hội thảo khoa học sinh viên và các hoạt động kết nối cộng đồng chuyên môn.

Phương án Xử lý khi bất khả kháng

- Đối với người học: Tổ chức công nhận tín chỉ đã học và hỗ trợ chuyển tiếp sang ngành/chương trình tương đương trong hoặc ngoài trường. Tư vấn học tập, hỗ trợ tài chính (nếu cần) và đảm bảo quyền lợi học tập liên tục.
- Đối với giảng viên: Bố trí giảng dạy ở ngành khác hoặc chuyển đổi chuyên môn phù hợp. Đảm bảo chế độ lao động, hỗ trợ nâng cao năng lực.
- Đối với cơ sở đào tạo: Thành lập tổ công tác xử lý rủi ro, phối hợp các phòng ban để triển khai phương án khẩn cấp. Báo cáo kịp thời cho cơ quan quản lý nhà nước và thực hiện các hướng dẫn xử lý theo quy định.
- Đối với các bên liên quan: Cung cấp thông tin rõ ràng, minh bạch. Phối hợp với phụ huynh, đối tác, doanh nghiệp để tạo điều kiện hỗ trợ người học trong quá trình chuyển tiếp.

(3) Cam kết của nhà trường

Nhà trường cam kết chủ động ngăn ngừa rủi ro, duy trì các điều kiện đảm bảo chất lượng, đồng thời xây dựng cơ chế ứng phó linh hoạt nhằm bảo vệ tối đa quyền lợi người học và giữ vững uy tín, hiệu quả hoạt động đào tạo của nhà trường.

IX. Tự đánh giá về Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý xây dựng.

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn xác định việc mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành **Quản lý xây dựng (mã ngành 7580302)** là cần thiết, phù hợp với nhu cầu thực tiễn, năng lực đào tạo hiện có và định hướng phát triển chiến lược của nhà trường. Cụ thể:

9.1. **Về tính cần thiết:** Ngành Quản lý xây dựng đáp ứng yêu cầu cấp thiết của xã hội trong giai đoạn đô thị hóa mạnh mẽ, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực xây dựng. Việc mở ngành phù hợp với định hướng phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, đặc biệt trong bối cảnh sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, mở rộng quy mô quản lý và đầu tư xây dựng trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long.

9.2. **Về năng lực đào tạo:** Nhà trường có đầy đủ đội ngũ giảng viên cơ hữu đạt chuẩn, trong đó có ít nhất 02 tiến sĩ ngành gần có năng lực học thuật và kinh nghiệm thực tiễn đảm nhiệm vai trò chủ trì xây dựng chương trình; cùng hệ thống phòng học, phòng máy chuyên dụng (phòng máy tính khoa KTCT – B406), các phòng thí nghiệm, phần mềm mô phỏng và quản lý dự án chuyên ngành được đầu tư đồng bộ và hiện đại.

9.3. **Về chương trình đào tạo:** Chương trình được xây dựng trên cơ sở tham khảo chương trình của các trường đại học uy tín (Trường ĐH Bách khoa – ĐH Quốc gia TP.HCM, Trường ĐH Xây dựng, Trường ĐH GTVT TP.HCM...), đảm bảo định hướng ứng dụng, cập nhật công nghệ mới (BIM, quản lý MEP, CostX, MS Project...), và phân hóa rõ nhóm vị trí việc làm. Tỷ lệ thực hành – thực tập đạt trên 50%, thể hiện rõ triết lý đào tạo gắn với thực tiễn.

9.4. **Về cam kết chất lượng:** Nhà trường có hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ theo chuẩn AUN-QA và Bộ GDĐT, cam kết thực hiện kiểm định chương trình đào tạo, khảo sát phản hồi của các bên liên quan và cải tiến định kỳ theo chu trình PDCA. Đề án mở ngành được xây dựng nghiêm túc, có sự tham gia của Hội đồng khoa học và chuyên gia trong lĩnh vực.

9.5. **Về khả năng tổ chức đào tạo:** Khoa Kỹ thuật Công trình – đơn vị chủ trì – đã có gần 30 năm kinh nghiệm đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng, có năng lực tổ chức thực hiện chương trình đào tạo mới theo hướng liên ngành – ứng dụng, kết nối chặt chẽ với doanh nghiệp và nhu cầu thị trường lao động.

Từ các phân tích nêu trên, Nhà trường nhận định Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý xây dựng là khả thi, hợp lý, đúng quy định, phù hợp với năng lực hiện có và định hướng phát triển của nhà trường; đủ điều kiện để được phê duyệt và triển khai tuyển sinh từ năm 2025.



NGƯỜI LẬP BẢN, PHÓ BAN ĐỀ ÁN
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO


THS. Lê Thị Ngọc Phượng

TRƯỞNG BAN ĐỀ ÁN
TRƯỞNG KHOA KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH


TS. Lê Đức Tuấn


PGS. TS. Cao Hào Thi